Cơ và những hình thức biểu thị của nó
Huyền số qua ca dao
Trích trong Ca Dao- Con Đường Văn Hóa Việt của Nguyễn Văn Nhiệm

Cơ là cái mầm vừa phát khởi, là cái gì uyên nguyên, tế vi, kết tinh bao đời của một nền văn hóa được rút gọn, cô đọng lại đến độ có thể biểu thị bằng vài ba huyền số, hình ảnh hay nguyên ngôn. Cơ vượt phạm vi lý trí đi sang tiềm thức, nó có sức liên hệ lớn, bao quát rộng.

Huyền số

Nguyên Nho đặt nền tảng trên Hà Đồ, Lạc Thư và Dịch, cho nên nói về huyền số thì có:

Số sinh: 1, 2, 3. 4, 5 thuộc vòng trong, là phần tiên thiên hay thể.

Số thành: 6, 7, 8, 9 . Gọi là số thành vì chúng được thành với số 5 như: 5+1= 6, 5+2= 7, 5+3= 8
5+4= 9 thuộc vòng ngoài, là phần hậu thiên hay dụng, tức là đợt cá biệt hóa.

Số trời là những số lẻ, số dương: 1, 3, 5, 7, 9.

Số đất là những số chẵn, số âm: 2, 4, 6, 8.

Những số nói trên không có ý nghĩa lượng, mà chỉ chân lý nền tảng. Ý nghĩa của một con số không nhất định, mà còn tùy thuộc những con số liên hệ.

Bộ huyền số căn bản của nguyên Nho , Việt lý là 2,3,5. Số 2 là âm dương (tiên rồng), số 3 là tam tài, số 5 là ngũ hành.

Số 2 cũng chỉ thái hòa, hòa hợp hai đối cực như trời- đất, âm- dương, hữu-vô...Số 2 còn biểu thị tính lưỡng hợp, lưỡng nhất, 2 mà là 1, 1 mà là 2: " *Nhất âm nhất dương chi vị Đạo* ". Trong khi nhị nguyên thì ngược lại, chọn một, bỏ một, theo nguyên lý đồng nhất, 1 dứt khoát là 1, không chấp nhận hòa hợp, nên chỉ còn nhất nguyên độc khối bất động.

Số 3 chỉ tam tài : 1 trời, 2 đất, 3 người. Số lẻ nhỏ (1) chỉ trời, số chẵn chỉ đất (2), số lẻ lớn chỉ người (3). Chẵn, lẻ chỉ hai đối cực mà vẫn có thể đi đôi với nhau là do người đứng ra thực hiện sự tổng hợp để đưa đến thái hòa.

Số 5 chỉ ngũ hành: 2 +3 = 5 , trong đó 2 vẫn chỉ đất, 3 chỉ trời (số lẻ nhỏ), 5 chỉ người (số lẻ lớn) theo nghĩa nhân bản tâm linh hay đại ngã. Số 5 gồm cả số 3 và số 2 nên kinh Dịch mới nói:

" *Tham thiên lưỡng địa nhi ỷ số* " (Thuyết quái 1).

Nền văn hóa Nho hòa hợp quân bình hai yếu tố thiên địa theo tương quan 3-2 : thiên 3, địa 2. Trong khi Tây Âu nghiêng về địa phương, duy vật, chấp hữu; Ấn Độ nghiêng về thiên viên, duy tâm, chấp vô với tương quan 1-4 hay 4-1 không quân bình.

Trên đây là tóm lược những con số có ý nghĩa cơ cấu trong triết lý truyền thống Việt từ ngàn xưa đã ẩn sâu trong tiềm thức cộng thông của dân tộc, nay thử xét xem chúng đã biểu lộ ra như thế nào và còn lưu lại dấu vết đến mức độ nào qua tục ngữ, ca dao, là tiếng nói trung thực của người bình dân.

Huyền số 2

"*Đôi ta là nợ là tình,*
Là duyên là kiếp đôi mình kết giao.
Em như hoa mận hoa đào,
Cái gì là nghĩa tương giao hỡi chàng?"

Con số 2 chỉ *đôi ta* như ở bài ca dao trên thật là hàm xúc, nó bao gồm nhiều phạm trù của triết lý nhân sinh trong đời sống lứa đôi của người bình dân: duyên, nợ, tình, kết giao, tương giao.

"*Đôi ta như thể con tằm,*
Cùng ăn một lá, cùng nằm một nong.
Đôi ta như thể con ong,
Con quấn, con quít, con trong, con ngoài.
Đôi ta như thể con bài,
Chồng đánh vợ kết chẳng sai con nào."

Những nhóm chữ *cùng ăn một lá* , *cùng nằm một nong* nói lên cái ý nghĩa 2 mà là 1. Rồi những chữ như *quấn* , *quít* , *trong* , *ngoài* nói lên cái ý nghĩa trong âm có dương, trong dương có âm, đầu mối của triết lý lưỡng hợp, lưỡng nhất.

"*Được vàng được bạc trên tay,*
Em không mừng rỡ bằng nay gặp chàng.
Trèo lên khung cửi dệt hàng,
Cửi kêu lăng líu, dạ thương chàng líu lăng.
Lời nguyền dưới nước trên trăng,
Trăm năm không bỏ đạo hằng cùng anh."

Lời nguyền cũng được chọn qua hình ảnh con số 2 lưỡng hợp là nước và trăng để khẳng định quyết tâm giữ vững *đạo hằng* của tình nghĩa vợ chồng.

"*Đôi ta như xôi đậu vò,*
Càng nắm càng dẻo, càng vo càng tròn."

Chữ *dẻo* , chữ *tròn* chỉ sự hòa hợp, gắn bó lâu dài, hạnh phúc trọn vẹn.

"*Ngó ra sông cái ngó ngoái thấy đình*
Hạc chầu thần còn đủ cặp
Huống chi mình lẻ loi."

Đủ đôi, đủ cặp là hợp lẽ tự nhiên, lẻ loi là tình trạng bất thường của cuộc nhân sinh. Đây là tình cảnh của những người con gái không chồng:

"*Trồng tranh như nón không quai,*
Như thuyền không lái, như ai không chồng.
Gái có chồng như gông đeo cổ,
Gái không chồng như phản gỗ long đanh:
Phản long đanh anh còn chữa được,
Gái không chồng chạy ngược, chạy xuôi.
Không chồng khốn lắm chị em ơi!"

Những hình ảnh *thuyền không lái* , *trồng tranh* chỉ tình trạng mất quân bình, không định hướng, long đong, khốn lắm là không hạnh phúc.

Tình cảnh của người con trai không vợ cũng không khá hơn chút nào:

"*Trâu kia kén cỏ bờ ao,*
Anh kia không vợ đời nào có con?
Người ta con trước, con sau,
Thân anh không vợ như cau không buồng.
Cau không buồng như tuồng cau đực,
Trai không vợ cực lắm anh ơi!
Người ta đi đón, về đôi,
Thân anh đi lẻ, về loi một mình!"

Đạo truyền thống của người Viêt Nam là Đạo thờ cúng tổ tiên, Đạo hiếu, mà thân anh như *tuồng cau đực* thì coi như mất hậu.

"*Gái Thái Bình lòng ngay dạ thẳng,*
Trai bạc tình một cẳng về quê."

Thái Bình là địa danh, nhưng ở đây cũng chỉ người con gái giữ đúng Đạo thái hòa của triết lý lưỡng hợp, lưỡng nhất. Còn người con trai bạc tình, bạc nghĩa không theo đúng Đạo lưỡng hợp, mà ích kỷ cho riêng mình, cá nhân chủ nghĩa trở thành *một cẳng* , là thứ chủ nghĩa duy, chọn một bỏ một. Đó cũng là tình trạng: "

Sông Lục Đầu sáu khúc, nước chảy xuôi một dòng."

Nước sông phải chảy lên, xuống, xuôi, ngược theo thủy triều, một âm, một dương điều hòa, còn chỉ chảy một chiều là không bình thường, không còn theo đúng luật tự nhiên, có thể là do kẻ vô tình hay ác ý chận dòng nước ở thượng nguồn. Sông Lục Đầu sáu khúc ứng với lục cực: hung họa chết non, tật bệnh, lo sợ, nghèo nàn, tai ác, yếu đuối. Số 6 là huyền số, nên uyển chuyển

tùy theo tâm thức của con người, cho nên cái tên Lục Đầu cũng chưa phải là định mệnh quá khắc khe buộc chặt vào một dòng sông, mà những con người có tầm vóc phi thường cũng có thể khai thông nó và lúc đó lục cực sẽ biến thành ngũ phúc.

Nguyên lý đồng nhất đưa đến hành động ngăn sông khiến cho dòng nước trở thành một chiều, trái ngược với qui luật tự nhiên hòa hợp cả hai chiều là đầu mối của Đạo.

"*Bắp với khoai tuy rằng khác giống,*
Nhưng cùng sống trên cục đất giồng.
Anh với em đồng vợ đồng chồng,
Tát biển đông cũng cạn, đập núi Hồng cũng tan."

Đồng vợ, đồng chồng không phải là nguyên lý đồng nhất 1 là 1, mà là hợp nhất, đồng tâm hợp lực, tổng hợp, lưỡng nhất: 2 mà là 1, 1 mà là 2 (tuy rằng khác giống).

Với duy lý thì thế giới hiện tượng đầy rẫy mâu thuẫn, chướng ngại ngăn cách:

"*Đôi ta như ruộng năm sào,*
Cách bờ ở giữa làm sao cho liền.
Đôi ta như thể đồng tiền,
Đồng sấp, đồng ngữa, đồng nghiêng, đồng nằm."

Be bờ, ngăn sông là những biện pháp hữu vi của con người, nếu chừng mực thì có lợi, mà quá đáng, thì có hại. Điều quan trọng là luật quân bình, chứ không phải biện pháp. Đồng tiền dù ở vị thế nào: sấp, ngữa, nghiêng hay nằm bao giờ cũng là đồng tiền.

Đặc tính của Đạo Việt là ở chữ Việt, có nghĩa là siêu việt, khả năng vượt qua ý thức nhị nguyên đầy mâu thuẫn, nối kết được hai đầu mối của mọi đối cực lại với nhau như cái cầu bắt qua sông, qua vực thẳm:

"*Bắc cầu cho kiến leo qua,*
Cho ai bên ấy sang nhà tôi chơi."

Nhưng phải là cái cầu thật sự mới được:

"*Ở gần sao chẳng sang chơi,*
Để anh hái ngọn mồng tơi bắc cầu.
- Bắc cầu em chẳng sang đâu,
Chàng về mua chỉ bắc cầu em sang.
Chỉ xanh, chỉ tím, chỉ vàng,
Đủ ba thứ chỉ em sang được cầu."

Bắc cầu bằng *ngọn mồng tơi* là loại cầu nói cà rỡn, bông đùa, loại cầu giả hiệu thì làm sao nối được mối tơ duyên, cũng tương tự như loại biện chứng giả hiệu một chân cà thọt thì làm sao liên kết được các đối cực của các mâu thuẫn mà không chọn một bỏ một. Người con gái chỉ chấp nhận sang sông với cái cầu thật sự kết bằng ba thứ chỉ là Đạo Ba.

Thay vì bắc cầu bằng ngọn mồng tơi, người trọng tình nghĩa, đạo lý bắt cầu bằng miếng trầu:

"*Miếng trầu là nghĩa tương giao,*
Muốn cho đây đấy duyên vào hợp duyên."

Hát hò đối đáp cũng là cách bắt cầu lý thú đầy nghệ thuật: "*Làm giàn cho bí leo chơi,*
Hát dăm ba chuyện thử lời nam nhi."

Hò hát là cơ hội tốt để thăm dò ý nhau, để tìm bạn kết đôi:

"*Bửa nay giọng tắt, tiếng khan,*
Trong mình mỏi mệt choan van cả đầu.
Tai anh nghe chị em hò hát đã lâu,
Giật mình trở dậy bới đầu bịt khăn.
Bước ra ba bước than rằng:
Biết nơi đâu xứng nợ,
Biết nơi nào bằng kết đôi?"

Xứng, bằng là hài hòa, là quân bình. Có hài hòa, hòa hợp, quân bình thì mới *kết đôi* bền vững.

Hát hò chẳng những là cơ hội tạo sự gặp gỡ tìm người tâm đầu ý hợp, mà là nơi để thi thố nghệ thuật, nên gái trai tìm đến với tất cả sự say mê:

"*Điệu gì vui cho bằng điệu hát hò,*
Có một cẳng rưỡi cũng dò mà đi."

Điệu hát hò thuộc lãnh vực âm nhạc, mà nhạc chủ hòa, tình lý tương dung, cho nên không thể khư khư duy lý được. Kẻ *một cẳng* còn phải chống gậy để trở thành *một cẳng rưỡi* lò dò mà đi hát hò, thì người bình thường hai chân, không đi đứng theo nhịp bước tự nhiên, cớ sao lại chọn 1 (1 chân) bỏ 1 để trở thành cà thọt?

Huyền số 3
”*Làm sao giữ trọn Đạo ba,*
Sau dầu có thác cũng là thơm danh.”
hay rõ ràng hơn:
”*Làm trai giữ trọn Ba Giềng,*
Thảo cha ngay chúa, vợ hiền chớ vong.”

Đạo ba trước hết là tam cang ở bình diện luân lý: Quân vi thần cang, phụ vi tử cang, phu vi thê cang. Còn Đạo ba ở bình diện triết lý là tam tài: thiên, địa, nhân. Nho định nghĩa nhân như sau: ” *Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, quỉ thần chi hội, ngũ hành chi tú khí giã* ”: Người là cái đức của trời đất, sự giao hợp của âm dương, sự tụ hội của quỉ thần, cái khí tinh tú của ngũ hành. Con người theo định nghĩa trên rất cao cả, là một tài sánh với tài trời và tài đất, là con người đại ngã ở đợt thể tinh ròng chưa có đối tượng phân biệt như ở đợt dụng, đợt tiểu ngã. Con người đại ngã như vậy thống nhất thiên, địa, nhân vào nhất thể, đặt ở trung tâm vạn vật, cho nên có chiều kích vô biên, rất cường kiện. Cái đức của trời đất trong con người đã được Nguyễn Công Trứ diễn tả trong bài “ Kẻ sĩ ”:
”*Khí hạo nhiên chí đại chí cương*
So chính khí đã đầy trong trời đất ”

Nhà cách mạng Trần Cao Vân đã cực tả tính thể con người là nhân bản tâm linh, là nhân chủ ngang tầm vũ trụ:
”*Trời đất sinh ta có ý không?*
Chưa sinh trời đất có ta trong.
Ta cùng trời đất ba ngôi sánh.
Trời đất in ta một chữ đồng:
Đất nứt, ta ra, trời chuyển động:
Ta thay trời mở đất mênh mông.
Trời che đất chở ta thong thả.
Trời, đất, ta đầy đủ Hóa Công.”

Còn ca dao từ lâu cũng đã nói lên cái tầm kích vĩ đại của con người:
”*Bà Nữ Oa bằng ba mẫu ruộng,*
Ông Tứ Tượng bằng bốn con sào.”

Cũng do tính nhân chủ này mà trong truyện Kiều mới có câu:
“*Có trời mà cũng có ta* ”

và ca dao cho thấy người bình dân sớm vượt khỏi óc mê tín, đôi khi còn tỏ thái độ ngông nữa:
”*Bắc thang lên đến tận trời,*
Bắt ông Nguyệt Lão đánh mười cẳng tay.
Đánh thôi lại trói vào đây,
Hỏi ông Nguyệt Lão: Nào dây tơ hồng?”

Người bình dân mang tính Việt là những người có niềm tin, không kỳ vọng vào sự linh thiêng hướng ngoại, mà hướng vào tâm linh nội tại bằng sự tập trung bền bĩ toàn diện mọi cơ năng ý, tình, chí (đốc hành):
“*Anh đi lên Bảy Núi,*
Anh chạy thẳng tới Tà Lơn,
Căn nợ keo sơn thấu đến ông Trời.
Trời cao, Đất thấp,
Anh đến tam cấp lập Cửu Trùng đài.
Thời hư khiến vậy, ráng lập hoài cũng nên.”

Anh đi lên Bảy Núi : Sách Dịch nói : ” *Thất nhật đắc* ”, cho nên con số 7 là con số huyền niệm, chỉ sự thành tựu. Anh trèo lên Bảy Núi là với tất cả lòng chí thành, hy vọng rằng *căn nợ keo sơn thấu đến ông Trời* .

Anh đến tam cấp lập Cửu Trùng đài : là anh đã quyết tâm cùng cực, thực hiện gấp bội huyền số 3 để được 3.3= 9, con số Cửu Lạc huyền linh và Cửu Trùng đài là nơi vua ngự trên cao.

Thực hiện phương châm: *Có chí thì nên* , cho nên anh kiên quyết và tin tưởng: *ráng lập hoài cũng nên* .

Người bình dân vốn chất phác, phản ảnh trung thực tính văn hóa nông nghiệp truyền thống, đôi khi quên đi óc tôn quân triệt để của văn hóa du mục, cho nên trong bài ca dao sau đây thay vì chữ *trung* dành cho vua thì lại để cho cha:
”*Mình về ta chẳng cho về,*
Ta nắm lấy áo, ta đề câu thơ.
Câu thơ ba chữ rành rành:

Chữ trung, chữ hiếu, chữ tình là ba.
Chữ trung thì để phần cha,
Chữ hiếu phần mẹ, đôi ta chữ tình."

Con số 3 là cơ số của nền triết lý nhân sinh lấy việc ăn, làm, hạnh phúc con người làm cứu cánh (Có thực mới vực được Đạo), cho nên đã biểu hiện ra qua châm ngôn sau đây:
"*Đói cho chết, ba ngày Tết cũng no* "
hay:
"*Giàu ngày ăn ba bữa,*
Khó cũng đỏ lửa ba lần."

Số 3 vừa có ý nghĩa siêu hình, có ý nghĩa triết lý nhân sinh, lại vừa có ý nghĩa trong bình diện thế giới hữu hình, hiện tượng vật lý:
"*Dầu ai nói đông nói tây,*
Thì ta cũng vững như cây giữa rừng.
Dầu ai nói ngả nói nghiêng,
Thì ta cũng vững như kiềng ba chân."

Số 3 là thế chân vạc kiên cố:
"*Hòn Tàu, Hòn Kẽm, Hòn Vung*
Ba hòn xúm lại đỡ vùng Quảng Nam.
Non sông ai dựng ai làm,
Dòng sông Sài Giang lượn khúc,
Cù lao Chàm xanh um."

***

Cặp huyền số 2-3

Cơ cấu là cái gì nằm ẩn khuất sâu trong tiềm thức, nhiều khi trồi lên bên trên biểu hiện vào lời ăn, tiếng nói mà ý thức nhiều khi không phát hiện, lâu dần trở thành lề lối ngôn ngữ: "*Con chim nho nhỏ*
Cái lông nó đỏ
Cái mỏ nó vàng
Nó đậu trước cửa Tam Quan
Nó kêu nam tắc, nữ tế
Nam quế, nữ châu
Bớ chị Ba nhỏ ơi, xin chị đừng rầu
Vài ba hôm nữa, mâm trầu tới đây."

***

"*Tưởng rằng cha mẹ đập vài ba roi,*
Ai ngờ đập đến chín chục, một trăm roi.
Em bò lăn bò lóc, em khóc đứng khóc ngồi."

Úy trời đất quỉ thần ơi! Thân con gái *liễu yếu đào tơ* mà bị đòn đến chín chục, một trăm roi thì *tan xương nát thịt* rồi còn chi nữa! Chưa hết! Nàng còn tiếp tục kể lể: *Em bò lăn bò lóc, em khóc đứng khóc ngồi*.- Ghê quá vậy hả? Mà có thật vậy sao? Ai mà tin cho được. Nàng nhõng nhẽo với tình lang đó!

Tương quan của cặp huyền số 2-3 rất có ý nghĩa:
"*Năm canh thì ngủ lấy ba,*
Hai canh lo lắng việc nhà làm ăn."

Ba cho việc ngủ, tức lo chăm sóc phần vô thức, tiềm thức thuộc tâm linh. Trong khi hai dành cho việc làm ăn thuộc sinh hoạt ý thức. Đó là tương quan quân bình lý tưởng của triết lý lưỡng hợp *nội ngoại chi Đạo* để có cuộc sống *an nhiên tự tại, ấm no, hạnh phúc*. Còn nếu ngược lại ngủ 2, thức 3 thì sẽ phản tác dụng:
"*Năm canh anh ngủ lấy hai,*
Ba canh thao thức, nhớ bạn lành khổ chưa?"

Trường hợp sau đây lại càng bi thảm hơn nữa, hết con chim trên núi đến con gà rừng dưới suối, chúng gáy suốt năm canh, hết giọng chầu đôi lại sang giọng chầu ba, một sự mất quân bình toàn diện:
"*Con chim trên núi, con gà dưới suối,*
Nó gáy giọng chầu đôi, chầu ba.
Đêm năm canh chẳng ngủ lại ngồi,
Trông người thục nữ bồi hồi lá gan."

Cặp cơ số 2-3 có thể biến dạng sang 3-4 như ca dao đã trích dẫn ở ý tưởng con người đại ngã có chiều kích vũ trụ:
"*Bà Nữ Oa bằng ba mẫu ruộng,*
Ông Tứ Tượng bằng bốn con sào."
hay:
"*Mồng ba cá đi ăn thề,*
Mồng bốn cá về vượt Vũ Môn."

Thể thơ lục bát với cặp số 6-8 cũng qui về 3-4, rồi song thất lục bát cũng vậy, vì 7= 3+4. Về âm nhạc, Tây phương cũng có

nhịp 6-8, 3-4 (valse). Như vậy, hình như cặp cơ số 3-4 có tiết điệu căn cơ phổ biến.

Huyền số 5

Quan niệm ngũ hành, cơ số 5 đã đi vào đời sống dân gian qua cách thức đặt tên núi non:

"*Quảng Nam có núi Ngũ Hành,*
Có sông chợ Củi, có thành Đồng Dương."

Qua kiến trúc, thiết kế thành đô:

"*Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi!*
Sông Nhị nước chảy phân đôi một dòng.
Đôi ta chua ngọt đã từng,
Thành cao, sóng mạnh cũng xin dừng quên nhau."

Số 5 bao hàm cả số 2 và số 3 cho nên nếu hành thổ (5) có khả năng thâu hóa, điều hòa các hành kim, mộc, thủy, hỏa thì sông Nhị phân đôi cũng chỉ là một dòng sông mà thôi(lưỡng hợp). Con người vừa có tính lưỡng nhất (2) vừa là nhân bản tâm linh (3) lại vừa có tâm không của hành thổ (5), cho nên dầu có *thành cao, sóng lớn* cũng không hề nao núng.

Qua việc xây cất nhà ở:

"*Nhác trông nhà ngói năm gian,*
Thấy chàng lịch sự khôn ngoan có tài.
Cho nên em chẳng lấy ai,
Em quyết chờ đợi một vài ba đông.
Yêu anh em chẳng lấy chồng,
Em dốc một lòng chờ đợi lấy anh."

Nếu không cất nhà năm gian thì cất nhà ba gian hay ba gian hai chái:

"*Ba gian nhà khách*
Chiếu sạch giường cao
Mời các thầy vào
Muốn sao được thế
Mắm Nghệ lòng giòn
Rượu ngon cơm trắng
Các thày dù chẳng sá vào
Hãy dừng chân lại, cho em chào cái nao
Đêm qua em mới chiêm bao
Có năm ông cử bước vào nhà em
Cau tươi bổ, trầu cay têm
Đựng trong đĩa sứ em đem kính mời.
Năm thầy tốt số hơn người,
Khoa này tất đỗ, nhớ lời em đây."

Nếu ai không được khá giả thì cất nhà tranh, nhà rạ. Nhưng dầu là nhà tranh, nhà rạ cũng phải theo hình thức ba gian:

"*Ba gian nhà rạ lòa xòa,*
Phải duyên coi tựa chín tòa nhà lim."

Chín gian, năm gian, ba gian hai chái hay ba gian đều có gian ở chính giữa tượng trưng cho hành thổ ở trung cung của cơ cấu ngũ hành, biểu hiện ý thức, tâm thức của một dân tộc có Đạo thờ cúng tổ tiên. Ở phạm vi gia đình thì thờ gia tiên, tổ của dòng họ, ở làng thì thờ Thành Hoàng, phạm vi cả nước thì thờ Quốc Tổ Hùng Vương ở đền Hùng. Tinh thần của lễ gia tiên là chữ hiếu, đối với giỗ tổ thì hiếu trở thành trung, trung với tổ quốc. Việc thờ cúng tổ tiên, quốc tổ không chỉ quan trọng ở chỗ nội dung là tấm lòng hiếu, trung, mà quan trọng ngay cả cách thờ cúng, cách đặt bài vị gọi là văn tổ được xếp vào trung cung của cơ cấu ngũ hành. Chính điều này đã đưa tục thờ cúng tổ tiên vượt qua lối ma thuật vươn lên trình độ nhân bản tâm linh, nghĩa là thờ nhân tính, xứng danh là đất nước có văn hiến: "*Văn hiến chi bang*.

Mọi người trong gia đình, dòng tộc mà sống theo đúng Đạo Việt với tinh thần cơ cấu ngũ hành, nhân bản tâm linh thì thật đáng tin cậy, là nơi đáng để chọn kết thân. Con trai gặp được gái hiền, con gái gặp được trai giỏi. Người dân Việt xưa rất tin con số 5, nó có khả năng mang lại hạnh phúc, nó là ngũ phúc: thọ, phú, khang ninh, du hiếu đức, khảo chung mệnh nghĩa là sống lâu, giàu có, thịnh vượng yên ổn, vui vẻ yêu chuộng đạo đức, hoàn toàn được tính mệnh. Khai triển đúng tinh thần ngũ hành, người ta tin rằng có thể hiện thực được những ước mơ chính đáng:

"*Năm trai năm gái là mười,*
Năm trâu năm rể là đôi mươi tròn,

Hai bên phụ mẫu song toàn,
Rồi ra kéo được trâu vàng Hồ Tây."

Tục truyền Hồ Tây có trâu vàng của Ông Nguyễn Minh Không, ai có được 5 trai, 5 gái cọng với 5 trâu, 5 rễ là đôi mươi tròn thì kéo được trâu vàng lên (20=4x5). Đây ý nói đại gia đình nhà nông (5 trâu, văn hóa nông nghiệp) có những khả năng tiềm tàng, nếu khai triển đúng thì sẽ được thịnh vượng theo như tinh thần ngũ phúc.

Ngược lại, với những mong cầu không chính đáng thì thay vì hạnh phúc, tai họa có thể đến không chừng:

"*Anh đã có vợ con hay chưa?*
Mà anh ăn nói đẩy đưa ngọt ngào.
Mẹ nhà anh ở nơi nao?
Để em tìm vào hầu hạ thay anh.
- Anh đây một vợ hai con,
Lấy thêm em nữa cho tròn một mâm."

Anh= 1, một vợ=1, hai con=2, lấy thêm em nữa=1. Tổng cọng là 5. Như vậy:

Tròn một mâm= 5 là theo cơ cấu ngũ hành. Theo triết lý ngũ hành thì hành thổ là hành vô hành, hoàn toàn trống không, là siêu hình chân thực, không bị giới hạn bởi bất cứ đối tượng, ý niệm nào nên bao dung, quán thông vạn vật, kim, mộc, thủy, hỏa. Đó gọi là *thiên địa chi tâm*, chứ cái tâm còn đầy tư dục thì làm sao có hiệu nghiệm.

Đây là hình ảnh một *quan ông râu vểnh* có cái tâm đặc sệt ham hố, tham lam với nhiều đèo bồng:

"*Nửa đêm xênh phách đổ rền,*
Hà Đông sư tử gầm lên phố vào.
Quan ông râu vểnh bôn đào,
Dúm co bốn cẳng bổ nhao ra đường."

Ông cha ta đã từng dạy con cháu rằng:

"*Con ơi! Nhớ lấy câu này,*
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan."

Quan ông râu vểnh này chính là loại *cướp ngày* , hối mại quyền thế, tham nhũng, ăn cắp của công, cướp đoạt của dân, sống phè phỡn, sa đọa. Trong ca dao, người bình dân đã phân loại các loài vật như sau:

"*Chim với phượng kể loại hai chân*
Thú với kỳ lân kể loại bốn vó."

Nhóm từ *dúm co bốn cẳng* cực tả bản chất của loại *quan râu vểnh* này: Nó không còn là người nữa, nó đã thoái hóa trở thành loài bốn chân làm bậy rồi bôn đào.

Tổ tiên đã đem triết lý của cơ số 5 vào các thể chế xã hội, đặt ra *luân lý* là để hướng dẫn con người chuyển hóa dần từ tiểu ngã thăng hoa lên đại ngã:

"*Làm trai phải biết ngũ luân,*
Nếu mà thiếu một mười phân thẹn thuồng."

Ngũ luân đó có nội dung như ngũ đẳng trong bài ca dao sau đây:

"*Xem trong ngũ đẳng quân vương đứng đầu.*
Thờ cha kính mẹ trước sau.
Anh em hòa thuận mới hầu làm nên.
Vợ chồng đạo nghĩa cho bền.
Bạn bè chung thủy, dưới trên đàng hoàng."

Những tương quan của cơ số 2-3-5 phải được thu xếp cho quân bình:

"*Đôi ta như lúa đòng đòng,*
Đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha.
Đôi ta như chỉ xe ba,
Cha mẹ xe ít, đôi ta xe nhiều."

Nếu không quân bình thì cơ số 5 có thể nhảy qua cơ số 6, thay vì ngũ phúc thì thành ra lục cực:

"*Bởi thương nàng anh chịu đòn oan,*
*Năm roi sáu rắc *rõ ràng còn đây*."

(* rắc: sợi roi mây rắc) Điều này đã được nói đến trong luật âm dương :" *Trong âm có dương, trong dương có âm* ". Đạo Đức kinh của Lão Tử cũng có ghi : " Họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục "(Chương 58): Họa là chỗ dựa của phúc, phúc là chỗ núp của họa.

Huyền số 7

7 = 5+2 bao hàm lưỡng nhất, tam tài, ngũ hành.
7 = 3+ 4 bao gồm cả tròn với vuông.

Kinh Dịch cũng nói: " *Thất nhật đắc* ", cho nên số 7 gọi là số thành tựu:

”*Gặp chàng đây thiếp xin hỏi một câu,*
An Thái hai mươi bốn xã, mấy cái cầu chàng ơi?
- An Thái hai mươi bốn xã, bảy cái cầu:
Cầu phú, cầu quý, cầu lộc, cầu vinh, cầu hiền,
Cầu cho cha mẹ bình yên,
Cầu cho ta bạn kết nguyền phu thê.”

Rõ ràng là bảy điều cầu mong là tổng hợp của ngũ phúc và lưỡng nhất mà ra, trong đó lưỡng nhất là Đạo thái hòa đưa đến bình yên, Đạo phu thê hòa hợp.

Những người chính trực thường thận trọng trong lời ăn tiếng nói:
”*Chó loanh quanh bảy vòng mới nằm,*
Người đáo lưỡi bảy lần mới nói.”
hay:
”*Một lời nói dối, sám hối bảy ngày*.”
hoặc:
”*Một mình lo bảy, lo ba*
Lo cau trổ muộn, lo già hết duyên.”

Ba là tròn đầy, bảy là thành tựu, đó là những huyền số mà con người đặt kỳ vọng vào đó để *tu tâm dưỡng tánh, đòi hỏi phải hết sức chí thành, tâm phải trống rỗng, thanh tịnh, không vướng chút tư dục*. Đó là con đường *nội hướng tâm linh* khác hẳn lối *ma thuật* hướng về sự cầu cạnh *linh thiêng bên ngoài*, là *mê tín* cho nên nhận thức sai lạc ý nghĩa của các huyền số:
”*Chớ đi ngày bảy, chớ về ngày ba,*
Đi chơi cũng lỗ huống là đi buôn.”

Huyền số 9

9 = 5+4 hay 9 = 2+3+4. Số 9 là cửu trù, là khai triển của triết lý lưỡng nhất, tam tài, ngũ hành ra đến tận các thể chế. Các thể chế này ngoài thế sự được nối liền với hồng phạm, tức là ngũ hành mở rộng ở nội tâm theo tinh thần *hợp nội ngoại chi Đạo*. Có được như vậy, con người mới có cuộc sống an nhiên tự tại, hạnh phúc trong cảnh thái hòa.

Con số 9 cũng như con số 5 đã đi sâu vào tâm tư và đời sống của người bình dân Việt Nam:
”*Năm con ngựa cột cồn Ngũ Mã*
Chín con rồng nằm Cửu Long Giang
Chàng mà đối được, có lạng vàng em trao.”
hay:
”*Nước Cửu Long sóng dồn cuồn cuộn,*
Cửa Hàm Luông mây cuốn cánh buồm xuôi.
Bậu với qua hai mặt một lời,
Trên có trời, dưới có đất,
Ngãi trăm năm vương vấn sợi tơ mành.
Tử sanh, sanh tử chung tình,
Dầu ai ngăn đón, tôi với mình cứ thương.”

Con số 9 cũng như những cơ số khác không phải chỉ lượng, mà là chỉ phẩm, chỉ những nguyên lý nền tảng như sông gọi là Cửu Long tức chín con rồng mà thực sự chỉ có sáu nhánh chảy ra biển ở sáu cửa: cửa Tiểu, cửa Đại, Hàm Luông, Cổ Chiên, Ba Lai, Cung Hầu.

Bộ số cơ 2, 3, 5, 9 được khắc ghi trong lòng dân gian:
”*Ngọ Môn năm cửa, chín lầu,*
Cột cờ ba bậc, Phú Văn Lâu hai tầng.
Đi mô cũng nhớ quê mình,
Nhớ Hương Giang gió mát, nhớ Ngự Bình trăng thanh.”

Bội số của 9 là 18, là 36... là những con số của minh triết, con số của hạnh phúc, an lạc:

Bài ca dao *Cái quạt* :
”*Cái quạt mười tám cái nan,*
Ở giữa phất giấy, hai nan hai đầu.
Quạt này anh để che đầu,
Đêm đêm đi ngủ, chung nhau quạt này...”

Bài ca dao: *Hà Nội ba mươi sáu phố phường* :
” *Rủ nhau chơi khắp Long Thành*
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai:
Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,
Hàng Bườm, hàng Thiếc, hàng Hài, hàng Khay,
Mã Vĩ, hàng Điếu, hàng Giầy,
Hàng Lờ, hàng Cót, hàng Mây, hàng Đàn,
Phố Mới, Phúc Kiến, hàng Ngang,
Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Than, hàng Đồng,
Hàng Muối, hàng Nón, Cầu Đông,
Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè,

Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre,
Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The, hàng Gà,
Quanh đi đến phố hàng Da,
Trải xem hàng phố, thật là cũng xinh.
Phồn hoa thứ nhất Long Thành,
Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.
Người về nhớ cảnh ngẩn ngơ,
Bút hoa xin phép vần thơ lưu truyền."

Thiết kế đô thị như vậy không phải là một sự ngẫu nhiên, mà với ý thức của một dân tộc có văn hóa đạt minh triết.

Những cơ số huyền diệu trên đã ứng hiện ngay trong đời sống thuộc bản năng của con người:

"*Ba tháng biết lẫy*
Bảy thang biết bò
Chín tháng lò dò biết đi."

hay:

"*Công cha lớn lắm cha ơi*
Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang."

Nho Việt, Đạo Việt đã minh xác rằng sự kỳ diệu của những số cơ mang ý nghĩa tâm linh từ nội tâm của con người khởi phát, chiếu tỏa rộng ra, chứ không mang ý nghĩa linh thiêng do những thế lực bên ngoài, cho nên lấy việc tự lực tu thân là chính. Cơ là lúc thiên địa bắt đầu giao thoa, tỏa ánh sáng minh triết, nhưng quá tế vi nên rất ít người nhận ra được. Bậc quân tử thấy cơ vừa máy động là tức khắc hành động ngay, không chờ qua hết ngày: " *Quân tử kiến cơ nhi tác, bất sĩ chung nhật* " (Hệ Từ hạ IV).

Nguyễn Văn Nhiệm
(Germany)

Bài viết tóm tắt về ngày Ra Mắt Sách Ca Dao, Con Đường Văn Hóa Việt (CD,CĐVHV) của tác giả Nguyễn Văn Nhiệm.

Ngày 27 tháng 7, 2013 vừa qua có thể coi như ngày đầu hè vì tiểu bang chúng tôi ở, Baden-Württemberg, miền Nam nước Đức, đã bắt đầu cho học sinh nghỉ hè một tháng rưỡi.

Mặc dù có vài bạn hữu đã cùng gia đình đi nghỉ hè xa nhưng hôm Ra Mắt Sách Ca dao, Con Đường Văn Hóa Việt của tác giả Nguyễn Văn Nhiệm tại thành phố Reutlingen ngày 27 tháng7, 2013 lúc 4 giờ chiều cũng đã đón tiếp được khoảng 45 quan khách, bạn hữu tham dự. Đặc biệt có mặt của Ni Sư, trụ trì Niệm Phật Đường Tam Bảo tại địa phương. Tác giả Nguyễn Văn

Nhiệm, ở cách thành phố Reutlingen khoảng 80 cây số cũng đã về tham dự.

Thành phố hôm RMS có nắng mùa hè đang rực rỡ. Chim chóc hót vang trên các cành cây. Ngoài đường đầy người qua lại, xe cộ ngược xuôi. Qua những ngày lạnh và lụt lội ở Đức, thời gian cho một mùa hè ấp áp trong năm 2013 đã bắt đầu. Con người, cảnh vật đều hân hoan.

Mở đầu chương trình văn hữu Vũ Nam, đại diện cho Ban tổ chức đọc chương trình Ra Mắt Sách, giới thiệu quan khách tham dự. Chương trình gồm có: Giới thiệu quan khách, giới thiệu tiểu sử tác giả (VH Vũ Nam đọc tiểu sử tác giả từ báo Cỏ Thơm số 63 vừa qua), bài nói chuyện của tác giả, bài giới thiệu một đôi nét về cuốn sách CD, CĐVHV của văn hữu Trần Đan Hà và xen kẽ trong chương trình là hai màn văn nghệ đàn hát, hò, ngâm thơ do anh Vũ Xuân Phong, một người rất văn nghệ và có mặt hầu hết những sinh hoạt cộng đồng của miền Nam nước Đức, từ thành phố Stuttgart và anh Trần Đan Hà phụ diễn.

Từ trước đến nay, thành phố Reutlingen cũng đã từng đón các văn hữu từ Canada như nhà văn Nguyễn Văn Ba, Pháp như giáo sư Phạm Việt Tuyền, nhà báo Từ Nguyên, nhà văn Hồ Trường An và nhiều văn thi hữu ở trên nước Đức nhân dịp có các sự kiện Văn hóa, Ra mắt sách, thăm viếng thân hữu, bạn bè v.v... Nơi đây cũng là nơi sinh sống của nhà báo Vũ Ngọc Long, trước ngày 30 tháng 4, 75 anh là phóng viên cho nhật báo Sóng Thần ở Sài Gòn, sau ngày định cư ở Đức anh đã cộng tác cho nhiều báo ở hải ngoại. Nhà báo Vũ Ngọc Long đã tạ thế cách nay cũng đã hơn mười lăm năm .

Sau hơn một tiếng rưỡi đồng hồ, trong phần kết thúc buổi Ra Mắt Sách văn hữu Vũ Nam đã ngỏ lời cám ơn Ni Sư, quan khách đã bỏ ít thì giờ riêng để đến dự buổi RMS, mua sách, cùng thông báo là số tiền bán sách, 280 Euro, sau khi trừ những chi phí lặt vặt, văn hữu Nguyễn Văn Nhiệm muốn đóng góp vào quỹ của cơ quan Caritas Đức để giúp chút ít về việc cứu giúp lũ lụt tại Đức trong thời gian vừa qua. Bù lại việc đóng góp nhân đạo bất thình lình này, tác giả Nguyễn văn Nhiệm đã nhận được một tràng pháo tay từ các quý khách đang hiện diện trong ngày hôm ấy.

Đức Quốc, ngày 1.8.2013

Vũ Nam

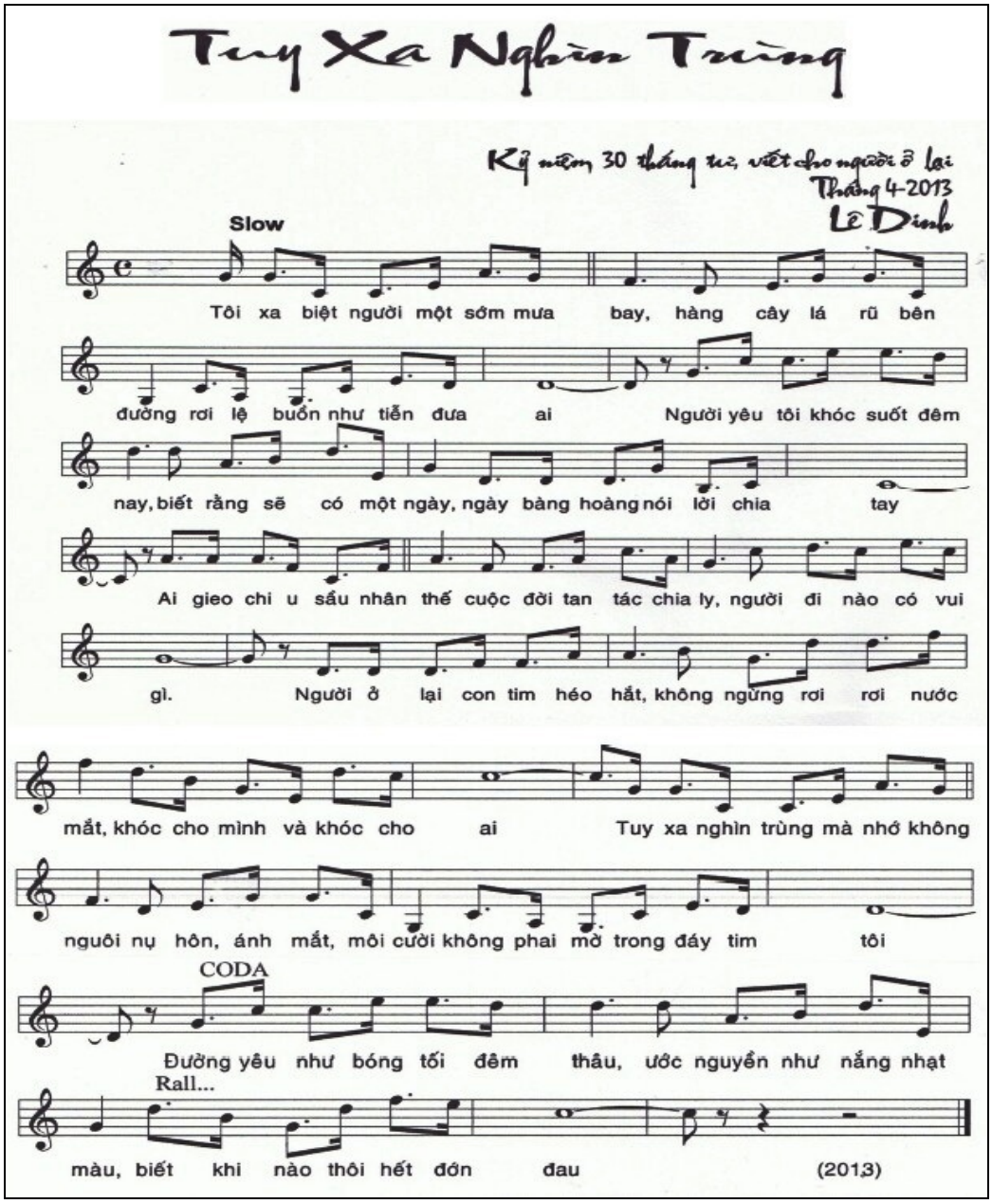

Mời quý vị nghe Tâm Hảo trình bày "Tuy Xa Nghìn Trùng" ở link này:
http://cothommagazine.com/nhac1/LeDinh/TuyXaNghinTrung-LeDinh-TamHao.mp3

Dã Quỳ Ơi!

Tiểu Thu

(Tiếp theo)

Bà Luân và Thư chuẩn bị đi Chicoutimi thăm bà Đắc và Quân. Thư mua vé xe đò. Xe đò bên này rộng rãi, đầy đủ tiện nghi nên dù đường xa vẫn không mệt lắm. Dọc con đường từ thành phố Québec xuống Chicoutimi là rừng rậm bạt ngàn với những cây thông tuyệt đẹp mà từ xưa mẹ con Thư chỉ thấy trên hình ảnh. Thấy Quân ra bến xe đón mẹ con nàng với chiếc xe hơi mới tinh hiệu Honda Civic màu xanh dương đậm, Thư tròn mắt ra nhìn. Quân giải thích:

- Anh mới mua. Xe này nhỏ nhưng bền và rẻ. Giá có ba ngàn đô la. Anh trả trước một ngàn, còn trả góp. Khi người bán hàng biết anh thực tập ở bệnh viện là họ rất vui vẻ cho anh... thiếu nợ! Không có xe làm sao anh đưa mẹ và em đi chơi. Phong cảnh nơi này đẹp lắm em ạ.

Thư phản đối:

- Không cần đi chơi. Anh phải dành thì giờ để học. Mẹ và em xuống thăm chứ có phải xuống để đi chơi đâu. Anh đừng mất thì giờ vì mẹ và em nhé.

- Dĩ nhiên là anh học, nhưng cũng phải cho anh thư giản chút xíu chứ... cô giáo!

Thư và bà Luân phì cười. Dãy nhà nơi Quân thuê một phòng nằm trên đầu dốc. Vừa đến nơi đã thấy bà Đắc đứng đợi sẵn. Hai bà mẹ gặp nhau mừng quá là mừng. Quân xách đồ vào nhà. Bà Đắc đã làm cơm sẵn chờ mẹ con Thư. Mọi người ăn bữa cơm đoàn viên thật là ấm cúng và hạnh phúc. Mới xa hơn hai tuần mà như là lâu lắm. Chuyện nói hoài không hết. Buổi tối hai bà mẹ ngủ trong phòng. Thư ngủ trên chiếc giường sô pha ngoài phòng khách và Quân trải mền xuống thảm ngủ tạm. Tiếng Quân thì thầm vọng lên:

- Nhớ em điên luôn. Cho anh mi một cái nhé.

- Không được! Thư trả lời, giọng chắc nịch. Nàng tự biết, nếu để Quân hôn một cái, có trời mới biết còn bao nhiêu cái sẽ nối tiếp theo? Và... Giọng nài nỉ của Quân càng lúc càng bi thảm:

- Một cái thôi mà. Anh hứa chỉ hôn một cái thôi rồi ngủ.

Thư xiêu lòng:

- Chỉ một cái thôi nhé. Không được ăn gian.

Nàng nghiêng người cúi xuống. Bất thình lình cánh tay của Quân ôm ngang hông kéo Thư rơi ập lên người chàng và đôi môi nóng bỏng của Quân đã tham lam gắn chặt lên môi nàng. Người Thư mềm nhũn dưới cái hôn cuồng nhiệt. Không biết bao lâu. Tiếng bước chân của bà Luân hay bà Đắc không rõ từ trong phòng đi ra nhà vệ sinh khiến cả hai choàng tỉnh. Thư vội vàng leo lên giường, kéo chăn đắp kín. Có tiếng cười nho nhỏ của Quân:

- Ngủ ngon nhé bà xã yêu quý.

Thư không dám đáp lại. Hương vị ngọt ngào của nụ hôn vẫn còn đọng trên môi. Hơi thở còn chưa bình thường. Mãi một lúc lâu nàng mới chìm vào giấc ngủ... Dưới sàn nhà Quân đã ngáy đều đều.

Sáng hôm sau, lúc Quân và Thư thức giấc, hai bà mẹ đã dậy từ bao giờ, đang ngồi uống trà nơi chiếc bàn ăn nhỏ trongbếp. Lúc đi ngang phòng khách, nhìn hai trẻ ngủ say sưa, hai bà mẹ không dấu được nụ cười âu yếm. Lòng bà nào cũng

phơi phới, vì thấy cuối cùng con mình đã tìm được hạnh phúc.

Ăn sáng xong Quân chở mẹ, bà Luân và Thư chạy vòng vòng thành phố. Thư thấy Chicoutimi nhang nhác như Đà Lạt bên Việt Nam. Cũng đồi, dốc lên xuống quanh co. Những căn nhà cổ bằng gỗ nhỏ nhắn, xinh xắn, rực rỡ dưới ánh nắng hè và nhiều loại hoa màu sắc tươi vui trồng trước cửa. Nơi đây không có nhiều gương mặt Á Đông nên bốn người đi tới đâu cũng níu theo ánh mắt của người địa phương. Nhưng thái độ của họ rất thân thiện, hiền hòa. Chưa chi mà Thư đã thấy quyến luyến cái phiên bản của Đà Lạt mù sương. Khi Quân cho xe vượt cầu qua bên kia sông. Con đường trải nhựa loang loáng dưới ánh mặt trời, uốn lượn lên xuống như một giải lụa sẫm màu giữa hai hàng hoa dại đủ sắc xanh đỏ tím vàng. Đến một khoảng đồng trống, cảnh tượng trước mắt khiến Thư như mê đi. Hàng triệu bông cúc trắng chen chúc nhau vươn lên, như muốn tìm chút không khí và ánh sáng mặt trời giữa đám đồng loại đang chen vai thích cánh. Thư nói Quân dừng xe lại bên vệ đường cho nàng xuống. Hai bà mẹ cũng lục đục xuống theo, nhưng chỉ đứng bên đường để ngắm, trong khi Thư không cưỡng được, chạy băng băng vào đám bạch cúc. Nàng cúi xuống sờ hoa này một cái, lại quay đi sờ hoa kia một cái. Như người say rượu mạnh, Thư chỉ muốn nằm lăn trên thảm hoa, ngắm bầu trời xanh biếc trên cao. Và không nghĩ gì hết, đầu óc trống rỗng, thênh thang... như một người hạnh phúc nhất trần gian! Bỗng dưng Thư nhớ đến rừng dã quỳ vàng, mà nàng thấy qua cửa sổ của chiếc máy bay Air Việt Nam, lúc sắp đáp xuống phi trường Kontum ngày nào. Dã quỳ nở vàng cả ngọn đồi (hình như là một ngọn đồi). Hàng vạn đóa dã quỳ vàng óng ả, lung linh dưới nắng thu và bầu trời cũng trong xanh một màu ngọc biếc như hôm nay. Nhưng nàng đã không có cái may mắn, cái hạnh phúc đắm mình trong rừng dã quỳ như hiện tại. Kỹ niệm và nỗi nhớ nhung pha một chút tiếc nuối khiến Thư chợt thấy bùi ngùi. Không hiểu sao giữa bao nhiêu loài hoa lộng lẫy, kiêu sa như hồng, như lan... nàng chỉ yêu hoa cúc? Thư yêu hoa cúc, đặc biệt là dã quỳ vàng, một loài hoa hoang dã và yêu mùa thu nhất trong các mùa. Nàng yêu bầu trời xanh thẳm, bàng bạc gió heo may và cái không khí lành lạnh, trong suốt như pha lê của mùa thu vùng Cao Nguyên. Có lần Thư hỏi mẹ "Sao mẹ không đặt tên con là Cúc Thu hay Thu Cúc?." Bà Luân mắng yêu " Vớ vẩn chưa! Làm sao tôi biết cô sẽ thích hoa cúc và mùa thu mà đặt tên?" Thư cũng tức cười khi nhận ra sự vô lý của mình. Nàng hái một bó bạch cúc rồi trở ra xe. Hình ảnh Thư tung tăng giữa rừng cúc trắng, long lanh niềm vui như một đứa trẻ thơ khiến Quân thấy nàng càng đáng yêu. Lúc Thư đến bên chàng để khoe bó hoa, mặc kệ sự hiện diện của hai bà mẹ, Quân đã đặt lên môi Thư một nụ hôn thật âu yếm và thì thầm vào tai nàng:

- Em đáng yêu lắm.Tiếc là không có máy ảnh để ghi lại hình ảnh đẹp tuyệt vời này.

Thư ngước nhìn chàng, mỉm cười, cặp mắt ngời hạnh phúc. Có cần nói ra không nhỉ? Chắc là không!

Hôm sắp về lại Montréal Thư mua vài món đồ kỷ niệm tặng bác Phúc và Thu Minh. Có những thứ nho nhỏ xinh xinh do người da đỏ và Esquimau làm bằng lông thú, bằng đá đen trông rất đẹp mắt. Đêm cuối cùng, cả Thư và Quân đều buồn. Nằm

mãi không ngủ được, thấy Thư cũng trở mình liên tục, Quân ngồi lên và... gạ gẫm:

- Cho anh nằm chung một tí nhé.

Ngần ngừ một chút, Thư nói:

- Nằm một tí thôi đấy. Cấm không được... gì!

Quân phóng lên giường trước khi Thư dứt lời và nàng thấy mình nằm gọn trong vòng tay Quân chỉ trong tíc tắc. Và sau đó cặp môi tham lam của chàng đã khóa miệng nàng lại. Bàn tay Quân đặt trên lưng Thư từ từ luồn vào trong áo xoa nhè nhẹ trên tấm lưng trần mịn như nhung. Thư rùng mình, nàng đẩy Quân ra, giọng trách móc:

- Anh!

Quân như choàng tỉnh cơn mộng. Chàng ngồi lên, đưa tay vuốt má Thư và nói:

- Anh xin lỗi. Ngủ ngon nhé!

Chàng nằm xuống chỗ của mình, thở hắt ra, cố gắng lấy lại trạng thái bình thường. May mà Thư tỉnh táo!

*

Thư vẫn đi làm hãng nữ trang và Quân vẫn chăm chỉ thực tập ở bệnh viện Chicoutimi. Noel chàng phải trực nhà thương nên trước đó Quân xin nghỉ một hôm đưa mẹ về Montréal chơi với mẹ con Thư. Gặp lại những người quen ở cùng chúng cư trước đây bà Đắc rất vui. Trước khi Quân trở xuống Chicoutimi, Thư chuẩn bị cho chàng đủ thứ để ăn trong những ngày mẹ vắng mặt. Nhìn vẻ lo lắng của cô vợ tương lai, Quân không dấu được sự cảm động:

- Đừng lo cho anh quá. Anh có thể ăn trong căng tin ở nhà thương. Lâu lâu ăn cơm tây cũng ngon mà

- Nhưng anh quen ăn thức ăn mẹ nấu. Trước khi đi làm, anh chỉ cần cắm nồi cơm điện là xong.

Lục Bát & Em

Em từ lục bát bước ra
Xin em thủng thẳng cho ta tìm vần
Câu thơ lơ lửng, tần ngần
Gọi là kỷ niệm một lần với nhau.

Em từ lục bát bước ra
Anh vui cao hứng ngâm nga đôi lời
Biết chăng, chẳng phải là chơi
Là duyên, là nợ trọn đời đó em!

Em từ lục bát bước ra
Hôm nay hay tự hôm qua, hôm nào?
Cầm tay khúc khích rì rào
Bao giờ hết chuyện, khi nào mới ngưng.

Em từ lục bát bước ra
Lơ ngơ lại tưởng từ ca dao về
Bóng hình lững thững trên đê
Chim sa, cá lặn, anh mê mẩn hồn.

Em từ lục bát bước ra
Tiếng rao lanh lảnh gánh quà hàng rong
Anh nghèo số phận long đong
Gặp đây vui quá phải lòng nhau chơi.

Em từ lục bát bước ra
Chân tay líu ríu tìm ta bước vào
Thôi thì còn biết nói sao
Có nhau thì chẳng khi nào đổi thay.

NGUYỄN PHÚ LONG
(Virginia)

Quân cười:

- Em quên ngày xưa anh đi hành quân trong rừng, trong núi cực khổ đến chừng nào. Bây giờ sướng lắm rồi. Đừng chìu quá anh đâm hư đấy nhé.

Đàn bà Á Đông là vậy. Lúc nào cũng lo lắng tỉ mỉ cho chồng con. Họ tưởng tượng nếu sẩy họ ra là tất cả đều... hỏng bét, chả ra làm sao cả! Thư cũng không ngoại lệ!

Bà Đắc ở chơi đúng một tuần. Thư mua vé xe đò, đưa bà lên xe rồi căn dặn đủ điều. Nhưng may quá họ gặp một người đàn ông Á Châu. Một người Việt Nam du học bên này trước bảy lăm, có vợ đầm và đang dạy học ở Đại Học Chicoutimi. Thư gửi mẹ chồng cho ông Giáo sư Đoàn, tên người đàn ông. Nhờ ông trông nom bà cụ suốt cuộc hành trình. Tới bến xe sẽ có Quân ra đón. Ông Đoàn vui vẻ nhận lời. Ông bảo được quen thêm người Việt Nam là một niềm vui lớn lao. Bao nhiêu năm dạy học ở cái thành phố nhỏ xíu này ông cũng cảm thấy quạnh quẽ và buồn. Gia đình ông rất may mắn, chạy thoát khỏi Việt Nam khi Việt cộng tiến chiếm Sàigòn. Chính ông đã bảo lãnh họ qua đây. Vài tháng ông lại lên Montréal thăm bố mẹ và các em một lần, vì họ chọn định cư ở Montréal. Ông còn hai đứa em ở tuổi vào Đại Học. Montréal có nhiều trường danh tiếng thích hợp cho chúng hơn.

Trên đường trở về nhà Thư lấy Métro. Ngồi trên toa tàu, từng trạm rồi từng trạm... Thư ngắm nhìn không chán mắt dòng người lên lên, xuống xuống. Đủ mọi màu da, mọi sắc tộc. Gương mặt người nào cũng bình thản, vui vẻ. Thư không lúc nào quên được sự hào phóng, lòng nhân đạo của người dân Canada. Họ đã dang tay đón những người tị nạn bất hạnh bỏ nước ra đi, trong đó có nàng. Thư cũng cám ơn Định mệnh đã rất biệt đãi hai mẹ con. Trong số mấy chục triệu người Việt còn kẹt lại trong nước, có bao nhiêu người vượt thoát? Giờ Định mệnh lại sắp đặt cho nàng làm vợ Quân. Còn gì đáng cho nàng mơ ước hơn nữa? Thư thấy mình là một người may mắn. Rất may mắn.

Tàu ngừng lại trạm Rosemont, nhìn qua cửa kính Thư bắt gặp một cặp trẻ đang tự nhiên hôn nhau say đắm như chỗ không người. Thư mỉm cười, thông cảm cho hai kẻ yêu nhau. Chính nàng và Quân, tuy không bao giờ dám hôn nhau nơi công cộng, nhưng nhu cầu đó vẫn thôi thúc. Lúc nào họ cũng thèm được hôn nhau. Dù chỉ là những nụ hôn nhẹ nhàng, phớt qua. Chỉ nghĩ đến thôi, Thư đã thấy nhớ Quân quay quắt! Nàng đã cầu nguyện thật nhiều khi Quân thi tốt nghiệp. Thư lên Oratoire St Joseph cầu vì nghe nói nhà thờ này rất linh thiêng. May mắn lần nữa: Quân đậu luôn. Nghe tin, Thư mừng đến ngủ không được. Quân đưa mẹ về ở tạm nhà Thư, rồi đi tìm nhà thuê. Bà Luân bàn nên thuê một căn nhà hai tầng vì đàng nào Quân và Thư cũng sẽ làm đám cưới. Hai bà mẹ sẽ ở tầng trệt và cặp vợ chồng son sẽ ở trên lầu. Nói là làm. Như lần đính hôn, đám cưới Quân và Thư rất đơn giản. Họ chỉ mời đúng năm bàn. Gia đình ông Thiếu tá Hữu, Bác Phúc, Thu Minh làm phù dâu và những người ở cùng chúng cư Alma. Sáu tháng sau nàng thấy trong người khác lạ. Đi khám mới biết là cấn thai. Kể sao được sự sung sướng của hai bà mẹ và cái hạnh phúc được làm cha của Quân. Thư bị thai hành ăn uống không được nên sụt ký thấy rõ. Quân và hai bà mẹ bắt Thư thôi việc ở nhà dưỡng thai. Ngày Thư từ giã, Bác Phúc và Thu Minh đều buồn. Nhưng chỉ còn ít tháng nữa là Thu

Minh xong chương trình học kế toán hai năm. Cô bé cũng sẽ kiếm việc làm khác và rời hãng Keays như Thư. Bên cánh đàn ông trong phòng mài cũng có vài người tìm được việc làm khác hợp khả năng hơn. Người Việt Nam vốn chịu khó và cầu tiến.

... Ngày thằng cu Nam chào đời là ngày quan trọng nhất trong đời của bốn người. Đối với bà Đức, thằng cu là cháu đích tôn, sẽ nối dõi tông đường nhà bà. Với bà, nó là cục... kim cương. Với Quân, sau con bé Lisa, cu Nam là niềm ước mơ thầm kín của chàng. Ông bố nào mà không thèm có một mụn con trai? Khi thằng bé được ba tháng thì Quân tìm được địa điểm mở phòng mạch tư. Nhỏ thôi, nhưng vừa sức chàng. Quân không muốn hợp tác với người nào khác. Chín người mười ý rất phiền toái. Thư ra phòng mạch phụ chân thư ký. Thằng cu Nam có tới hai nanny. Cả bà nội lẫn bà ngoại đều chìu thằng bé quá sức, đến nỗi Quân phải phàn nàn là hai bà sẽ làm hư thằng bé. Thư cười:

- Tục ngữ có câu "... cháu hư tại bà". Đấy là một, đằng này nó có tới hai bà nên sẽ hư gấp... hai lần!

Càng lớn thằng bé càng nghịch như giặc. Quân rầy thì hai bà bênh "nếu không nghịch thì nó đâu phải con trai!". Chàng đành chịu thua không kèn không trống. Hai năm sau bé Diễm chào đời. Con bé sinh thiếu tháng, nhưng lớn nhanh như thổi vì cứ ăn no là ngủ khì! Tới đây thì Thư tuyên bố "đình chiến". Một trai một gái là đẹp lắm rồi. Tiểu gia đình của Thư sống bình lặng như thế. Không đua chen, so bì với ai. Khi Quân mua nhà, cả sáu người vẫn sống chung. Căn nhà đó vợ chồng Thư vẫn ở cho đến ngày nay, dù hai bà nội ngoại đã quy tiên. Khi mẹ qua đời, Thư nhớ lời trăn trối, thiêu và đem tro về Việt Nam để chôn cạnh mộ chồng. Đó là lần thứ nhì Thư gặp lại anh Tiến và chị My. Nhờ tiền vợ chồng nàng gửi về giúp, anh chị và hai đứa con bây giờ có nhà cửa khang trang ở thị xã Kontum. Căn nhà của gia đình nàng giờ thuộc về người khác. Mỗi lần đi ngang Thư lại muốn khóc. Mẹ nàng ngày đó cũng đã đứt ruột bỏ lại sau lưng để về Sài gòn sống với Thư.

Nhớ lại vào khoảng năm 82, Thư nhận được bức thư của anh Tiến nàng nhờ người bà con đi đoàn tụ với con ở Montréal chuyển lại dùm, mẹ nàng mừng quá khóc bù lu bù loa. Lúc đó thư từ còn bị nhà nước Cộng sản kiểm duyệt nên Tiến không dám kể lể gì cả. Người ấy thuật lại tường tận chuyện Tiến rớt máy bay. Nhờ bấm nút nhảy kịp ra khỏi thân máy bay nên chàng không chết cháy, chỉ bị gãy một chân. Trong rừng rậm Tiến mất phương hướng và cuối cùng rơi vào tay Cộng quân. Chàng bị bắt làm tù binh. Cái chân gãy không được chữa trị đàng hoàng cuối cùng chân phải bị cưa đến đầu gối. May mà Tiến không theo ông theo bà! Chàng bị đưa ra Bắc và sau khi cưỡng chiếm miền Nam, Tiến bị đưa đi học tập cải tạo chung với những sĩ quan miền Nam. Mãi đến năm 82 chàng mới được tha. Tiến về Sài Gòn, đến nhà cũ thấy người chủ lạ. Tiến hỏi hàng xóm mới biết mẹ và em đã ra đi. Chàng mò sang nhà người chú họ xa ở khu Khánh Hội. Tiến tá túc nhà chú, hàng ngày xách thùng đồ ra ngồi ở ngả tư gần nhà, dưới bóng một cây me già, sửa xe đạp. Một hôm trời xui đất khiến thế nào mà một thiếu phụ ăn mặc xuề xòa, quần đen áo bà ba tím than, đầu đội nón lá dẫn chiếc xe đạp xẹp lốp nhờ chàng vá. Khi nàng bỏ nón ra, bốn mắt nhìn nhau bàng hoàng sửng sốt. Người thiếu phụ

chính là My. Là My của chàng ngày nào. Là My đã khiến cho chàng đau khổ cùng cực một thời. Người vì chữ hiếu đã phụ Tiến để lên xe hoa với người đàn ông khác, dĩ nhiên là có địa vị cao hơn chàng. Tiến ngây người ra nhìn, không nói được một lời. Chính My lên tiếng trước:

- Anh Tiến! Không ngờ còn gặp lại. Anh... anh khỏe chứ?

Tiến đã lấy lại được bình tĩnh:

- My! À... My ở gần đây sao?

- Không, em ở bên đường Yên Đổ. Căn nhà ngày xưa của mẹ em mua đó. Hôm nay có việc sang đây. Không ngờ bị xẹp lốp xe. Anh thế nào? Có gia đình rồi chứ? Lâu lắm em không có tin tức của Thư.

Sau cú sốc, dần dần hai người trở lại bình thường. Tiến mời My ngồi xuống chiếc ghế nhỏ, chạy đi mua hai ly đá chanh rồi trở lại mời cố nhân giải khát. Tiến vừa uống vừa kể lại quãng đời đầy chông gai đã qua và My, với giọng buồn buồn, cũng kể cho chàng nghe tất cả những đắng cay nàng đã chịu từ khi chia tay với Tiến... Đám cưới với Danh xong, My theo chồng về sống ở Cần Thơ. Họ có với nhau một đứa con gái. Khi Cộng quân vào, Danh cũng bị bắt học tập ở Suối Máu. Chỉ một năm sau, Danh đi chặt tre, đạp nhằm gai, không ngờ xui xẻo bị bệnh uốn ván và qua đời. May mắn căn nhà trong hẻm Yên Đổ để tên My, nên mẹ con nàng được sống ở đó cho đến ngày nay. My chạy thuốc tây với một người bạn, vì thế hôm nay mới lang thang qua đây. Tiến chẳng biết nói gì ngoài những câu an ủi bình thường. Trừ những người từ ngoài Bắc vào Nam nhận họ và khuân hàng về Bắc, tất cả người dân trong Nam đều chịu chung hoàn cảnh đớn đau như Tiến và My. Vậy còn lời gì để nói khi con tim vẫn còn đầy ắp hình ảnh nhau? My nhìn gương mặt đen đúa, khắc khổ và chiếc chân không lành lặn của Tiến mà lòng xúc động đến nghẹn ngào. My biết nàng vẫn còn tha thiết yêu chàng. Những lúc khổ quá, những đêm mất ngủ... không phải bóng hình chàng phi công hào hoa tên Tiến vẫn xuất hiện để an ủi nàng hay sao? Phần Tiến, hình ảnh của My là lá bùa hộ mạng, là sức mạnh khôn cùng đã giúp chàng vượt qua những đớn đau của thể xác cũng như tinh thần để sống sót và trở về đây. Đối với chàng, My xinh đẹp nõn nà của ngày xưa, hay My héo úa của ngày nay cũng là My muôn thuở.

Một lần nữa định mệnh đã an bài cho họ gặp lại nhau. Tiến muốn nối lại nhịp cầu. Lúc đầu My ngần ngại, nghĩ rằng mình không còn xứng đáng, vì nàng đã phụ Tiến, đã quay mặt với mối tình đầu. Nhưng sự kiên nhẫn của chàng cuối cùng cũng có kết quả. Tiến và My đã kết hợp lại thành một gia đình nho nhỏ. Tiến về ở với mẹ con My trong hẻm đường Yên Đỗ. Nhưng sau bị làm khó dễ quá nhiều lần, Tiến bàn với My bán nhà rồi đem nhau về Kontum sinh sống. Dù gì ở tỉnh nhỏ cũng dễ chịu hơn. Vả lại Tiến có nhiều bạn bè trên đó. Tiền bán nhà cộng với tiền do Thư gửi về giúp, Tiến – My mua lại căn nhà trên đường Lê Thánh Tôn, người chủ có con bảo lãnh đi Mỹ. Hai người mở hàng ăn rất đông khách nên sống khá thoải mái. Năm 90 Thư đưa mẹ về thăm anh chị. Bà Luân gặp lại con, dâu và cháu (lúc này Tiến, My có thêm một trai) sung sướng như chưa từng. Bà cho đây là một phép lạ trời ban. Thư gặp lại vài cô bạn cùng trường ngày xưa vui thật là vui. Hai mẹ con chỉ ở Kontum một tuần rồi vào Sài Gòn, vì lúc đó bà Luân đã bị bệnh tiểu đường nặng. Bệnh này sinh ra cao máu, hại

cả tim, thận... Nhà thương tỉnh lẻ không bảo đảm nên Thư không dám để mẹ ở lâu. Lần đó Thư ngỏ ý muốn làm đoàn tụ cho vợ chồng Tiến sang Canada, nhưng chàng đã từ chối. Viện lẽ tấm thân tật nguyền sống ở đâu thì cũng vậy thôi. Hơn nữa, cuộc sống ở đây cũng có phần dễ chịu hơn xưa. Trở về Montréal, ba năm sau bà mất vào mùa xuân. Thư chờ cuối hè mới mang tro của mẹ về Kontum. Lúc này không khí mát mẻ dễ chịu. An vị tro cốt của mẹ bên cạnh bố xong Thư có nhiều thì giờ đi gặp bạn bè. Tuyết Anh tình nguyện đưa Thư đi khắp nơi, thăm lại cảnh cũ người xưa. Đau lòng nhất là hàng phượng vỹ dọc hai bên đường Phan Thanh Giản, ngang qua ngôi trường Trung học Têrêsa dấu yêu đã bị đốn trụi. Còn đâu những tà áo dài trắng dịu dàng, quấn quít bước chân của các nữ sinh mỗi khi tan lớp?

Nghe Thư ao ước nhìn lại những đóa Dã quỳ vàng, Tuyết Anh cười:

- Thiếu gì hoa đẹp sao mi lại thích Dã quỳ?

Suy nghĩ vài giây, Thư lắc đầu cười trừ:

- Cũng không biết nữa. Chỉ thấy thích nhất loại hoa này thôi!

Khi nghe Thư kể nhìn thấy đồi Dã quỳ vàng trên chuyến AirVN ngày xưa, Tuyết Anh nói:

- Tớ biết ở đâu rồi. Nhưng phải đi hơi xa. Qua khỏi Phương Hòa lận. Sáng mai tụi mình đi sớm.

Đêm đó Thư thao thức mong cho trời mau sáng. Mới sáu giờ nàng đã dậy ăn điểm tâm, mặc quần áo sẵn chờ bạn đến đưa đi. Nghe tiếng xe gắn máy ngừng trước cửa, không đợi bạn vào, Thư vội vàng đi ra. Tuyết Anh cười:

- Nôn dữ vậy mi?

- Ừ, tao mong mỏi giờ phút này mấy chục năm rồi đấy. Đi thôi.

Xe chạy qua cầu Dakbla, con sông đầy vẻ trữ tình, có giòng nước chảy ngược đã làm hao tốn bao nhiêu giấy mực của những tâm hồn thi văn sĩ. Lúc chạy ngang Phương Hòa, Thư nhớ những múi mít nghệ vàng óng, ngọt lừ trong khu vườn nhà chị Bích Sơn. Khỏi Phương Hòa một quãng xa quang cảnh bắt đầu vắng, không còn nhà cửa, vườn tược sum suê cây trái. Chỉ thấy những ngọn đồi nối tiếp nhau. Qua khỏi khúc quanh, một biển vàng rực rỡ hiện ra trước mắt. Càng đến gần, tim Thư như muốn ngừng đập. Chao ôi, cả một ngọn đồi được bao phủ bởi hàng ngàn vạn đóa dã quỳ, rung rinh nhè nhẹ trong nắng sớm. Những cánh hoa mỏng manh còn đọng sương mai, lấp lánh dưới ánh mặt trời như được nạm hàng triệu viên kim cương quý giá. Tuyết Anh dừng xe dưới gốc cây bên vệ đường, quay lại bảo Thư:

- Xuống đi chứ. Đồi dã quỳ của mi đây rồi!

Thư xuống xe mà mắt không rời ngọn đồi bên kia đường. Tự hỏi mình tỉnh hay mơ. Những đóa quỳ lung linh trong nắng mai như có sức hút kéo Thư về phía chúng. Nàng dang hay cánh tay như muốn ôm trọn tất cả vào lòng, đôi chân như mọc cánh chạy ào về phía trước. Dã quỳ ơi! Dã quỳ ơi! Ta về đây! Ta đã về đây!

Và những đóa Cúc quỳ dường như cũng thấu hiểu tâm tình của kẻ xa quê, đồng loạt nghiêng về phía Thư như chào đón. Cơn gió sớm, nhẹ như hơi thở của núi rừng đã đẩy Thư và những đóa Dã Quỳ gần lại với nhau. Như những cặp tình nhân lâu ngày mới gặp mặt... Ơi, Dã Quỳ vàng!

Tiểu Thu

CHIẾU THƠ

Trải chiếu thơ mời họa vận chơi
Phong lưu thượng đẳng nhất trên đời
Gom mây tám hướng vào xây mộng
Góp gió mười phương lại viết lời
Mặc khách tao nhân đều hớn hở
Đệ huynh tứ hải thảy vui tươi
Văn chương vốn dĩ không bờ chắn
Tự vượt lên cao vút ngất trời.

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt
Ca, USA - Aug, 19,2013

GÓP VUI ĐỜI

Họa

Để trọn trang thơ hạ bút chơi
Đơn sơ mươi vận góp vui đời
Nhìn tranh vân cẩu không thâm tiếng
Thấy cảnh bể dâu vẫn đẹp lời
Thi hữu thanh tao thêu lụa thắm
Bạn văn hòa nhã dệt hoa tươi
Cảm ơn người đã cho cơ hội
Thả mấy vần suông gửi cánh trời.

Nguyễn Thị Ngọc Dung
VA 08/2013

CHÂN TRỜI

Họa

Mặt mừng tay bắt ghé sân chơi
Cái thú tiêu dao giữa chợ đời
Tức cảnh luyến lưu ghi mấy ý
Sinh tình nhung nhớ nhắn đôi lời
Cầm kỳ thi họa rất tao nhã
Xuân hạ thu đông vẫn thắm tươi
Cốt cách phong lưu còn mấy thuở
Có đi mới thấy được chân trời

Phan Khâm
08/2013

ĐƯỜNG THI ĐỐI ẨM

(Nương vận)

Đường thi đối ẩm cùng vui chơi
Tiêu khiển thanh tao - tiên cõi đời
Bảy chữ thêu đan... Người gởi ý
Tám câu trau chuốt... Bạn trao lời
Tinh thần sảng khoái, càng trong sáng
Cuộc sống hài hòa, thêm thắm tươi
Xướng họa, giao lưu... Tình tỏa rộng
Ung dung ngày tháng với mây trời!

Motthoi
08/23/ 2013

Mẹ Tôi

VŨ ĐỨC NGHIÊM

Từ những ngày chập chững biết đi, ít khi tôi rời xa mẹ.Nhưng rồi cũng đến ngày mẹ cho tôi lên thành phố với bố ở tỉnh Thái Bình. để bắt đầu đi học lớp vỡ lòng năm 1936.

Những ngày đầu tiên xa mẹ là những ngày khổ đau nhất của tôi, chú bé lên sáu tuổi.Bố tôi rất thương con, nhung tính tình nghiêm khắc và tôi sợ bố lắm , ít khi dám đến gần người.

Do đó tất cả những nỗi niềm suy tưởng và nhớ thương của tôi đều hướng về mẹ tôi, vì mẹ rất dịu hiền, ít la mắng con cái và suốt đời chỉ lo lắng,hy sinh cho chồng con.

Mẹ ở quê nhà, chăm sóc ruộng vườn,gây dựng cơ đồ, xây nhà cửa, thỉnh thoảng mẹ lên Thái Bình thăm bố và chúng tôi,(gồm có hai cậu Thiệu, cậu Thuật,(em trai của mẹ) được ông ngoại gửi lên tỉnh nhờ bố trông nom , chú Ba (sau là ông Vũ Quốc Ngọc,) em trai của bố tôi,hai anh Lý, Khánh(con bác Lục Vũ Đức Phúc, anh ruột bố), anh Chang và tôi là người bé nhất nhà, tất cả sống trong sự dạy dỗ và kỷ luật chặt chẽ của bố.Bố rất chú trọng về thể dục,trí dục và nhất là đức dục.

Bố áp dụng kỷ luật khắt khe nếu ai phạm lỗi hoặc lười học.Hình như,nếu tôi nhớ không lầm thì hai cậu Thiệu, cậu Thuật chưa (hoặc không bao giờ) bị đòn, còn từ chú Ba trở xuống đều bị ăn roi mây, ngay cả tôi bé nhất nhà cũng bị đòn khi phạm lỗi.

Mỗi khi nhớ mẹ, tôi thường ra đứng phía trước nhà, nhìn về phía xa khóc thầm, gọi mẹ. Có những buổi tối nhớ mẹ , tôi khóc , nhìn lên cao những ánh đèn vàng nhạt nhòa qua màn nước mắt , tôi nghĩ rằng những ngọn đèn cũng khóc nhớ mẹ như tôi.

Những ngày mẹ lên Thái bình thăm bố và các con , cuộc đời thật là hạnh phúc.Mẹ đem rất nhiều món ăn ngon từ quê lên, với nhiều hoa quả,bọn tôi ăn tha hồ. Bố cũng dễ tính hơn, và nếu có ai phạm lỗi thì hình phạt cũng nhẹ hơn vì có mẹ can gián và bào chữa , xoa dịu cơn giận của bố. Nhưng ngày vui mau qua, mẹ về quê ,sau ít ngày hạnh phúc thoáng qua mau như mây trời, và cuộc sống vắng mẹ lại tiếp tục với những khó khăn chồng chất.

Những ngày nghỉ hè , chúng tôi về quê. Tôi tiếp tục được mẹ cưng chiều cho bõ những ngày xa vắng mẹ.Tôi theo mẹ đi thuyền xuống các làng Duy Tắc, Địch Giáo và xa hơn là Hà cát để thu thóc.do các tá điền(những người cấy ruộng mướn của mẹ) chia cho chủ ruộng mỗi mùa gặt, hình như theo tỷ lệ 4/6,chủ ruộng được 4 phần, tá điền 6 phần(nếu tôi nhớ không lầm).Tôi được các anh thợ gặt cho những con bọ muỗm, cà cuống,nướng lên ăn rất thơm và bùi.

Ngoài ra, các tá điền cũng mang các món ăn rất ngon(thường là gà luộc và cá rán) biếu mẹ vào các bữa ăn.

Khi đã thu xong lúa ,thuyền trở về làng ,các anh lực điền chống thuyền bằng những con sào dài, thuyền nhẹ nhàng lướt êm qua các con sông đào,băng qua giữa các thửa ruộng lúa vàng rực rỡ.Những ngày ấy quê hương tôi êm đềm, cuộc sống thanh bình,những người nông dân hiền lành chất phác; đối với mẹ họ có lòng quý mến và kính trọng vì bản tính dịu dàng hiền hậu và thương yêu của mẹ,vì Người thường cứu giúp người nghèo túng gặp lúc khó khăn đau ốm. Tôi biết điều này khi lớn lên được nghe các người tá điền nhắc nhở về mẹ với một niềm cảm phục và kính mến vô cùng.

Những năm 1943,1944, Hànội bị Mỹ ném bom vì có quân đội Nhật chiếm đóng, em Chỉnh và tôi tản cư về quê, mẹ cho chúng tôi học ởTrà Bắc,hai anh em trọ học

Thu Vấn Vương

Nắng thu vàng óng ả
Lửng lơ sợi tơ trời
Chiếc lá bay lơi lả
Làn gió đùa chơi vơi

Dìu nhau chiều thu nào
Tim rộn ràng xôn xao
Cửa tâm hồn hé mở
Mảnh tình hồng vội trao

Giờ công viên lặng lẽ
Lá phai màu nhẹ rơi
Bờ mi rưng dòng lệ
Lời hẹn xưa xa vời

Tay nâng niu kỷ niệm
Mộng ngày thơ êm đềm
Chia xa chiều hoang tím
Chờ ai đêm từng đêm

Giọt sương thu lóng lánh
Điểm trang hoa tầm xuân
Trăng tà bên vườn hạnh
Chào bình minh chuông ngân

Mây giăng buồn man mác
Bàng bạc phủ tâm tư
Hạt mưa thu dào dạt
Nồng nàn ướt tờ thư

18-11-10
Đỗ thị Minh Giang

ở nhà ông bà ngoại,làng Xuân Bảng, cách quê nhà chừng 6,7 km. Mỗi khi mẹ về thăm quê ngoại, hai anh em lại có dịp ở gần mẹ ít ngày. Khi Mẹ về quê, em Chỉnh và tôi tiễn mẹ ra đầu cầu làng Xuân Bảng.Mẹ ngồi lên cáng(palanquin),(cách đây hơn 1/2 thế kỷ, quê tôi thông dụng phương tiện này,) hai anh em cùng khóc , nhưng cùng quay mặt đi,vì khôngmuốn cho người khác thấy mình yếu đuối, đã lớn,13, 14 tuổi rồi mà vẫn khóc khi xa mẹ.

Năm 1952, tôi là thiếu uý Đại đội phó, tiểu đoàn 26 Việt Nam, đóng đồn ở làng Trung Lăng, gần bến đò Khuể, Kiến An.Mẹ vất vả lặn lội từ quê thăm tôi tại đồn,vượt qua những đoạn đườngnguy hiểm mà tôi đã bị phục kích mấy tháng trước, .Đến bến đò , đồn Bến Khuể bên kia sông gọi vô tuyến báo cho biết mẹ tôi đến thăm, tôi hồi hộp theo dõi bằng ống nhòm thấy mẹ lội bộ trên chặng đường hơn 2 km thầm nguyện cho mẹ đi bình an. Đên đồn, tôi ôm mẹ vui mừng đến ứa nước mắt: ''Mẹ lặn lội đi thăm con, không ngại hiểm nguy sao mẹ?''; Mẹ mỉm cười:''Thương nhớ con, mẹ đâu có ngại gì hiểm nguy,khó nhọc.''

Tháng 10-1953, tôi là Đại đội Trưởng Đại Đội 4 (Tiểu đoàn Khinh Quân711) hành quân chạm địch ở gần Sa Châu, (huyện Giao Thủy) , chú lính mang ba-lô cho tôi

làm mất ba lô của tôi gồm có quân trang và giấy tờ.Việt Cộng bắt được c ba lô, phao tin là Trung uý Nghiêm đã chết ; tin đồn về nhà, mẹ khóc quá ngất xỉu;anh cả tôi phải đến hậu cứ Tiểu đoàn hỏi tin tức; biết tôi bình an vô sự , mẹ mới yên lòng.Những lần tôi về phép, Mẹ nói:''Con đi hành quân, mẹ lo lắng biết bao, chỉ biết cầu xin Chúa ban ơn gìn giữ che chở con.''

Tháng 4-1975,tình hình dầu sôi lửa bỏng, anh Cả tôi có phương tiện di tản đã đem cha mẹ tôi cùng qua Mỹ, gia đình tôi bị kẹt lại.Tôi bị Việt công giam giữ hơn 13 năm, chịu trăm cay ngàn đắng thì vợ con tôi ở nhà cũng chịu trăm đắng nghìn cay.Bố mẹ ở Mỹ dành dụm gửi quà về giúp cho các con cháu qua cơn đói khổ.

Rốt cục, sau hơn 15 năm tình thâm ruột thịt bị chia lìa, gia đình tôi đã đến Mỹ tháng 11 năm 1990. Bố tôi qua đời từ 6 tháng trước nên tôi chỉ được gặp mẹ một thời gian ngắn ở Pasadena khi tôi từ San Jose về Nam Cali thăm mẹ.Tôi được các con tôi lái xe khởi hành vào buổi tối và tới gặp mẹ lúc 1 giờ đêm. Mẹ ra mở cửa và tôi sung sướng ôm mẹ, nước mắt chan hoà, sau hơn 15 năm nhớ tưởng. tôi gục đầu vào ngực mẹ, hít mùi bạc hà thơm ngạt ngào trong áo mẹ, mùi da thịt mẹ mà thấy như mình sống lại những ngày thơ dại.Bên cạnh mẹ, tôi quên là mình đã hơn 60 tuổi, bởi vì đối với mẹ tôi, lúc nào tôi cũng chỉ là đứa con nít dại khờ, chỉ ước mong suốt đời được gần bên mẹ.

Mẹ qua đời, hai năm sau khi tôi gặp lại Người và tôi thấy rằng không có nỗi khổ đau nào lớn hơn nỗi đau mất mẹ.tôi vào phòng riêng gục đầu nức nở kêu xin với Chúa:''Xin Chúa đoản mạng con, cho mẹ con sống thêm ít lâu nữa. Hay là, nếu đẹp ý Chúa xin cho con chết thay mẹ con!''

Mới đây, tôi đến Westminster thăm một vườn tưởng niệm (một khu vườn nhỏ với những khóm hồng tươi đẹp, có tên là Memorial Rose Garden,).Tôi để ý đến mấy câu thơ:

''If tears could build a stairway,''
''And memories, a lane,''
''I would walk right up to heaven''
''To bring you home again.''
(tạm dịch:)
''Nếu những giọt.nước mắt có thể bắc một cầu thang,
''Và nếu những hoài niệm có thể xây một con đường'',
''Tôi sẽ đi bộ thẳng lên Thiên Đàng''
''Để đem người trở lại trần gian.''

Nhưng đó chỉ là''nếu'', là những chuyện không bao giờ có thể xẩy ra được trong hiện tại, và những người thương yêu của chúng ta đã qua đi, sẽ chẳng bao giờ gặp lại được, có chăng là khi chúng ta chết đi mới hy vọng gặp nhau nơi thượng giới.

Anh em họ Vũ chúng tôi thường gặp nhau trong những dịp tưởng niệm ngày cha mẹ qua đời, rồi sau đó ra Đồi Hồng thăm mộ cha mẹ. Riêng tôi chỉ muốn có lời nhắn các người trẻ tuổi, nhất là các con trai,gái, dâu rểvà các cháu nội ngoại của tôi rằng :

''Những ai có cha mẹ còn sống là những người có hạnh phúc; hãy làm cho cha mẹ vui lòng''trước khi quá muộn''Bởi vì,nếu bây giờ chúng ta nghĩ đến cha mẹ đã khuất núi,mà hối hận và muốn gặp lại cha mẹ để nói lên lời thương yêu, kính mến, hoặc lời xin lỗi nào đi nữa thì cũng đã quá muộn màng Riêng tôi, nhân dịp tưởng niệm cha mẹ ,tôi muốn nói lên những lời thiết tha nhất trong lòng:

Cha Mẹ ơi, Con Yêu Thương Cha Mẹ,''
''Con Thương Nhớ Cha Mẹ vô cùng.''
San Jose, ngày Mother's Day

Vũ Đức Nghiêm
2010

Chiếc xe già nua của tôi

PHẠM XUÂN THÁI

Trong 38 năm sống ở Mỹ tôi đã đổi tất cả 8 chiếc xe: 2 xe cũ và 6 xe mới. Có lẽ hai chiếc xe mang nhiều kỷ niệm nhất đối với tôi là chiếc xe đầu tiên và chiếc xe ở với tôi 14 năm trời mà tôi vừa mới phải lìa xa.

Thuở mới chân ướt chân ráo tới Mỹ vào tháng 7 năm 1975, tôi được nhà thờ St. Luke tại McLean, Virginia bảo lãnh và kiếm việc làm cho tôi. Nhà thờ gởi tôi tới ở với một gia đình người Mỹ ngoan đạo, cho tôi một chiếc xe đạp để có thể đạp xe đi làm tại gas station, McDonald's, hoặc đi cắt cỏ, sơn nhà. Con đường Old Dominion tại vùng McLean, Virginia, gần Great Falls, 38 năm về trước trông thật đìu hiu, hút gió, đầy đồi cao, dốc sâu. Ngày ngày, có một chàng trai trẻ dong duổi đạp xe đạp lên đồi, xuống dốc để đi làm những công việc tạp nhạp, thỉnh thoảng chàng lại huýt sáo líu lo, hoặc hát những bài hùng ca, quân ca vang trời.

Sau khi kí cóp để dành được $700, tháng 12/1975 tôi đã mua được chiếc xe hơi đầu tiên giá $450, và bảo hiểm xe $200 một năm. Chiếc xe Volkswagen Beetle, đời 1962 bé nhỏ xinh xinh. Dù hình dáng và nhan sắc em Beetle đã tàn tạ, phai mầu theo năm tháng, nhưng đối với tôi, em vẫn đẹp nhất! Tôi say mê và chăm sóc em rất cẩn thận. Tôi đã tự học thay dầu mỡ, bu-gi, bố thắng và thỉnh thoảng còn hút bụi, đánh bóng để "điểm phấn tô son" cho em có thể "nở với nhân gian một nụ cười".

Sau khi có được em Beetle, tôi bắt đầu tìm những công việc khá hơn, và bắt đầu đi học trở lại. Mỗi sáng sớm, tôi lái xe đậu Beetle dưới bóng mát tại bến xe, lấy xe bus đi học.

Và … rồi, tại trường học, tôi đã quen được một bóng hồng. Từ đó, tôi cùng em Beetle đưa đón nàng đi về mỗi ngày. Cuối tuần, em Beetle và tôi chở nàng về thăm gia đình, đi shopping, và dậy nàng lái xe.

Thời gian êm đềm trôi qua, chúng tôi vẫn thương yêu nhau, săn sóc lẫn nhau, và cùng nhau xây mộng đẹp cho tương lai. Khoảng một năm sau, bố thắng của Beetle đã mòn, nên tôi đã hì-hà hì-hục nâng Beelte lên, tháo bánh xe, và thay cho em bố thắng mới cả đằng trước lẫn đằng sau. Sau đó vội vàng cùng Beetle đến chở nàng và chị của

nàng đi shopping ở K-mart, thời đó K-mart và Sears là hai tiệm bán hàng được người Việt tị nạn chiếu cố nhiều nhất. Đang lái xe giữa xa lộ 95, bánh xe sau của Beelte văng ra khỏi trục xe, Beetle mất thăng bằng, xà xuống giữa mặt đường của xa lộ 95. Chúng tôi may mắn thoát hiểm, nhưng Beetle bị thương nặng, và sau đó phải vào nghĩa địa xe. Mọi chuyện đều do lỗi tại tôi mọi đàng!

Tôi đã vội vàng và ẩu tả khi thay kim nhôm (aluminum pin), gài bánh xe vào trục xe đã bị gẫy, với một cây đinh sắt. Beetle chạy một hồi, cây đinh sắt bị gẫy, và bánh xe rơi ra khỏi trục xe. Beetle đã ra đi để lại bao luyến tiếc và thương nhớ trong tôi.

Sau em Beetle, tôi đã mua một chiếc xe Volkswagen cũ nữa, lái cho tới khi ra trường. Khi đời sống vững chãi hơn, tôi bắt đầu mua những chiếc xe mới gồm: Chevrolet Chevette, Toyota Corolla, Toyota Camry, Nissan Maxima. Cuối năm 1999, tôi mua chiếc xe Volvo S70, đời 2000.

Em Volvo đến với tôi ở độ tuổi trung niên. Lứa tuổi không còn thích tốc độ, phiêu lưu, mạo hiểm, và lái xe bạt mạng. Volvo có vẻ đẹp đài các, đứng đắn, vững chắc, và bền bỉ. Tôi thương em cũng như thương em Volkswagen đầu đời, và tôi đã chăm sóc em rất kỹ: cho em vào garage ngủ mỗi tối, bảo trì đúng hạn kỳ, và tắm rửa, đánh bóng em những lúc rảnh rỗi.

Sau khi ở với tôi được 11 năm và dong duổi gần 170,000 dặm đường, Volvo già thấy rõ! Xương xẩu em đã bắt đầu kêu răng rắc, máy lạnh ngừng chạy, đèn báo hiệu bật loạn xạ. Tôi đã bỏ ra gần $3,000 để chữa trị cho em, nhưng sau đó, em cũng vẫn trở lại tình trạng như cũ. Tuy vậy, tôi vẫn thương em, vẫn muốn giữ em vì nghĩ đến những ân tình chúng tôi đã trao nhau. Ngày ngày Volvo vẫn tiếp tục làm bổn phận của mình, vẫn tiếp tục đưa tôi qua những quãng đường dài, vẫn giúp tôi vượt thoát những trận bão tuyết, mưa gió của đất trời, cũng như vẫn cùng tôi chia sẻ những khó khăn, ngọt bùi trong đời.

Tôi nhớ mãi trận bão tuyết 2 năm trước, khi hàng chục chiếc xe đủ kiểu, đủ loại nối đuôi nhau cố vượt qua ngọn đồi phủ đầy tuyết đóng băng. Rất nhiều xe đắt tiền và tốt như Mercedes, BMW, Lexus, và nhiều loại xe khác nữa đã phải đầu hàng và quành đầu lại, tìm đường khác đi về nhà, nhưng em Volvo vẫn từ từ bám mặt đường, trườn mình tới, leo thẳng lên đỉnh ngọn đồi dưới sự hò hét thán phục của các tay tài xế đứng xếp hàng đằng sau.

Tính đến nay, Volvo đã ở với tôi gần 14 năm, trải qua hơn 212,000 dặm đường (340,000 Km) để đưa tôi đi làm hàng ngày, những chuyến công tác xuyên bang, những cuộc nghỉ hè bên bờ biển, hoặc vùng núi cao. Volvo đã đương đầu với mưa, với nắng, với bão tố, chông gai, bụi bậm để che

Cũng Thế

Có những con chim rời bỏ non ngàn
Nhưng chiếc tổ không gian còn lưu giữ
Anh cũng thế - ra đi là biệt xứ.
Nhưng tấm tình vẫn ở với non sông.

Khi nghe lòng se lạnh buổi tàn dông .
Anh vẫn nhớ ánh hồng quanh bếp lửa.
Dẫu biết chắc mùa xuân không có nữa.
Nhưng trong tim vẫn nở nhánh mai vàng.

Dẫu nuí rừng không hẹn với thời gian
Nhưng hoa lá vẫn quay về mùa cũ
Anh cũng thế, Ra đi là biệt xứ.
Nhưng nơi nào bạn cũ vẫn tìm nhau.

Nếu giòng sông lỡ hẹn với chân cầu
Như anh đã hẹn em ngày trở lại.
Em cũng đừng tin những lời ân ái.
Bởi cuối cùng ta cũng phải chia ly.

Quê hương xưa ai cũng phải quay về.
Nhưng tất cả không còn như trước nữa.
Lòng thanh thản như hoa tàn hoa nở
Bởi cuối cùng đi ở cũng như nhau

LAM ĐIỀN
(North Caralina ,6/2013)

chở cho tôi được bình an. Mùa Hè năm nay ở vùng Hoa Thịnh Đốn nóng dữ dội, nàng và các con thấy chiếc xe đã già nua, không máy lạnh gần 3 năm, khuyên tôi nên mua chiếc xe mới. Con gái tôi đề nghị bố mua xe mới và hai anh em sẽ hùn tiền lại trả cho bố. Bạn tôi thì bảo nên mua chiếc xe mới chạy cho nó sướng cái thân già! Vấn đề ở đây không phải là tôi không có thể tự mua cho mình một chiếc xe mới, mà chỉ vì tôi không muốn xa em Volvo vì những gì em đã làm cho tôi trong 14 năm trời.

Sau cùng, thì vợ tôi và các con đã thắng. Các con tôi đã áp tải bố tới dealer bán xe, cùng đứng trả giá và đấu trí với mấy anh bán xe. Sau khi thương lượng giá cả chiếc xe mới, anh chàng bán xe hỏi tôi về số tuổi của Volvo và số dặm đường đã trải qua, hắn nói:

"Chắc ông phải chờ chúng tôi liên lạc với bên Thụy Điển xem giá cả chiếc xe Volvo này của ông là bao nhiêu, vì tôi nghe nói hãng Volvo muốn mua lại những chiếc xe nào trên 200,000 miles để trưng bày tại viện bảo tàng của hãng Volvo."

Tên chết tiệt! Hắn muốn chọc quê tôi!!! Sau cùng, anh bán xe đã đồng ý trả tôi $1,000 để lấy em Volvo. Tôi tần ngần đứng nhìn Volvo mà lòng buồn rười rượi. Những kỷ niệm hiện về trong ký ức, tôi tiến lại gần Volvo, vuốt ve lên người Volvo và thì thầm:

- Thôi nhé, xin lỗi đã đến lúc tôi phải xa em. Xin cám ơn những hy sinh, chịu đựng, và những ân tình mà em đã dành cho tôi.

Phạm Xuân Thái
(18/6/2013).

HAI PHƯƠNG

Từ thuở xa người cách cố hương
Môi quen rượu đắng mưa đêm trường
Ta một phương và em một phương!

Ở đây Thu đã vàng cây lá
Chờ gió Đông về đợi tuyết bay
Tóc đã phai xanh đầu điểm bạc
Mộng hờ cũng trắng cả đôi tay.

Bao giờ trở lại quê nhà nhỉ ?
Đất khách chân quen ,lạ dấu giày
Phòng lạnh ta nghiêng đầu hỏi bóng
Quê người tâm sự với ai đây ?

Hai đứa , hai phương trời cách biệt
Bên này, bên ấy nhớ thương nhau
Vầng trăng xưa vẫn lưng chừng núi
Hiu hắt trời sương, cánh nhạn gầy !

Đêm qua trầm lặng năm canh mộng
Rượu nhạt mềm môi uống chẳng say.

Hoàng Song Liêm
Virginia

TWO WORLD CORNERS

Since the time away from you
and motherland
My lips habitually taste bitter liquor and
nightly rain
I'm in one world corner and you're away
in another!

Autumn here is coloring all tree leaves
Waiting for Winter wind and
fluttering snow
My once shiny black hair has turned silvery
All fleeting dreams are now in empty hands

When will I get to go back home?
Familiar feet in foreign land, footprints
still strange
In freezing cold room, I ask my shadow:
With whom can I share my feelings here?

Two lost souls in two world corners
This side, that side, missing each other
The same old moon still shines above
A lonesome crane in foggy sky!

Last night went by in lonely dreams
My lips softened with liquor are still awake.

Translated by
Hoàng-Tâm
Gaithersburg, MD, 6/28/13

NHƯ NGỌN ĐÈN DẦU

Đỗ Phú

Mới sáng sớm, trời chưa sáng tõ, mây đen còn nặng chĩu gieo xuống nhửng hạt mưa lấm tấm, bạn Đại từ miền viễn tây Hoa Kỳ gọi báo tin cho tôi hay Hiện vừa ra đi. Đại nói như la trong điện thoại: này bạn có biết gì về Hiện đã qui tiên chưa? Tính Đại là vậy bao giờ cũng cười nói vang vang, tiếng cười đi trước tiếng nói, lúc nào cũng vui, cũng có vẻ như đùa dỡn dù khi gặp phải chuyện buồn phiền. Đại và Hiện cùng học với tôi ở Trung Học. Dù tôi đi học trường rất ít nhưng không vì vậy mà tôi không có bạn học. Chúng tôi học chung với nhau một thời gian ngắn, có thễ là quá ngắn, không tới một niên học tại Hải Phòng, vào thời gian cách nay trên nửa thế kỷ, vào lúc mà đất nước đang gặp nhiều biến động, chiến tranh, chúng tôi những đứa trẻ mới lớn đang đứng trước bão tố, mưa giông. Thời gian đi học ngắn nhưng chúng tôi có nhiều kỷ niệm và ký ức vẫn ghi lại được nhiều điều đáng nhớ. Năm học đó là năm 1953, ngày khai giảng lớp học của tôi có chừng 40 học sinh nhưng sĩ số cứ tụt dần đến cuối khóa chỉ còn lại chừng 25 mạng. Sau mỗi giờ học, học sinh tụ tập lại chuyện trò gẫu, chia ra làm nhiều nhóm, có một nhóm lớn tuổi chừng 6, 7 người thường nói chuyện riêng với nhau và sau buổi học họ về liền không có chuyện la cà như nhóm chúng tôi. Sau này tôi mới biết là họ ở Kiến An đến học, nghèo lại có gia đình nên học xong họ phải về nhà cho kịp trước khi trời đổ tối, chưa kể trên đường đi họ còn có thể gặp xe tuần tiễu cuả Pháp Việt chặn bắt lính dọc đường. Nhờ họ thông thạo đường đi nên họ thường lách tránh được bố ráp ở nhiều nơi. Có một nhóm chắc là thuộc các gia đình có quyền thế, giầu có, mấy cậu đi học có xe đưa đón, có người đi theo như bảo vệ, họ gần như không chơi với ai. Nhóm chúng tôi chừng 6, 7 người thích trò chuyện, trao đổi bài vở, thảo luận với nhau về nhiều vấn đề như vui chơi, thời sự, rồi hẹn hò nhau đi chơi vào những ngày nghỉ. Trong nhóm của tôi, Đại, Hiện và tôi hay gặp nhau nhất, một phần vì chúng tôi ở trên một con đường về và cả ba hợp nhau dù mỗi người có tính tình khác nhau. Đại dáng người thông minh, nước da sáng, mặt hơi vuông, khỏe mạnh, có dáng vẻ con trai, thích nói chuyện khôi hài, lúc nào trong anh cũng như có sẵn vài câu chuyện vui để kể cho bạn bè nghe. Học hành đối với Đại có lẽ là phụ mà vui với bạn bè mới là cần thiết. Vào Nam anh ra nhập đoàn văn nghệ của Phủ Đặc Ủy Công Dân Vụ và trở thành một diễn viên từ đó. Anh đi theo đoàn lưu diễn khắp nơi ở miền Nam, thỉnh thoảng về gần Saigon, anh lại mời tôi đến dự buổi trình diễn của anh.

Hiện trông trắng trẻo, đẹp trai, nét mặt hơi tròn nhưng rất thư sinh, ăn nói điềm đạm,

nhưng nghịch ngầm. Hiện học giỏi, chăm chỉ và thường đứng đầu lớp về môn Việt văn. Tôi cũng thường đứng đầu lớp về môn toán. Môn toán nếu biết cách học, chỉ cần vài tháng là thấy kết qủa khả quan rõ ràng.

Tôi lớn lên trong thời loạn, đất nước luôn luôn chìm trong khói lửa. Gia đình phải di tản hoài nên việc học thường bị gián đoạn, đi học ngày có ngày không, tháng có tháng không. Gần 10 tuổi tôi mới được đến trường học, rất may lúc đó bà nội tôi lại ở gần bên nhà thầy giáo Hà Mai Anh, thầy lúc đó là hiệu trưởng của trường Tiểu Học Briere de Lisle (trường ngã ba cây quéo). Thầy sẵn sàng cho tôi vào học, nhưng là vì trường học là trường công lập nên học sinh phải học theo tuổi, tuổi nào vào lớp đó. Tôi gần 10 tuổi phải là tuổi học lớp nhì hay lớp nhất. Thầy giáo cũng rất bối rối về việc xếp lớp cho tôi, thầy cho tôi vào học tạm lớp ba, sau đó vài tháng có kỳ thi sơ học yếu lược, tôi xin dự thi và đậu liền. Thầy Hà Mai Anh vui mừng và cho lên học ngay lớp nhì một, nhưng chỉ được ít ngày là xẩy ra vụ Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945, Nhật trao chính quyền VN cho vua Bảo Đại, vua Bảo Đại lập chính phủ Trần Trọng Kim, lúc này nạn đói đang xẩy ra làm hàng triệu người chết la liệt đầy đường ở nhiều tỉnh thành ở miền Bắc. Lúc đó tôi đang là một sói con, đi theo các anh hướng đạo sinh giúp người nghèo như đi lấy cháo cho họ, nhiều người đã hấp hối chờ chết đến cháo cho vào miệng cũng không nuốt được. Người dân đói đến đỗi họ phải ăn bất cứ thứ gì họ nhặt được. Họ chỉ còn là một bộ xương bọc da, đen đúa, dơ dáy, còn thở yếu ớt chờ chết. Nhiều trường hợp hết sức thương tâm, bố ôm con hay mẹ ôm con cùng người thân nằm chờ chết bên lề đường.

Thời gian là liều thuốc giúp cho con người quên đi những buồn phiền, đau đớn, nhưng có những hoàn cảnh qúa phũ phàng, nó chỉ mờ nhạt đi trong trí ức mà không bao giờ mất được. Đó là nạn đói Ất Dậu. Pháp trở lại Đông Dương. Đến ngày 19/8/1945, Việt Minh cướp chính quyền, luôn luôn đụng độ với Pháp để rồi đi đến cuộc toàn quốc kháng chiến chống Pháp vào tháng 12 năm 1946. Bà nội tôi đưa chúng tôi chạy tản cư theo giòng người chạy loạn từ Nam Định đi về hướng Đông Nam xuống vùng Cổ Lễ, xuống miền biển rồi lại chạy ngược lên Hà Nam, Phủ Lý. Chạy đến đâu chúng tôi cũng được dân đón cho về nhà ở, nhưng ai cũng đều qúa nghèo đói đến gạo cũng không có đủ ăn. Mới 10 tuổi, đến đâu tôi cũng phải đi làm theo nông dân, ở chung với nhà nghèo, tôi phải đi theo họ đi làm cỏ, cầy cấy, tát nước ngoài ruộng, chăn trâu bò, nuôi gà vịt ... đối với nhà giầu thì tôi giúp họ mang cơm nước cho thợ cầy, cấy, gặt , thợ làm đồng áng vào buổi trưa v.v... Cuộc chạy lọan kéo dài nhiều năm và triền miên, mỗi nơi chúng tôi chỉ ở được vài tháng là chạy tiếp vì quân Pháp lại sắp tràn tới. Trên đường chạy loạn, chúng tôi thỉnh thoảng gặp lại gia đình thầy giáo Hà Mai Anh, thầy cô tiếp đón tôi rất niềm nở, coi tôi như một đứa con trong nhà thầy. Tôi được biết dù thời gian loạn lạc, di tản liên miên, thầy vẫn dậy các con

học hành và cho mấy anh lớn như Việt, Nguyên, Phương chạy theo trường vài tháng mỗi năm để học cho đủ học trình.

Đến năm 1951, chạy đến vùng ngoại ô của tỉnh Hà Đông, thì gặp phải cuộc đổ bộ lớn của Pháp, chúng tôi phải chạy vào vùng tề tức là vùng thuộc Pháp đang được trả dần cho người Quốc Gia. Bà cháu chúng tôi về Nam Định ít lâu, ra Hòn Gay vài tháng, rồi về HaiPhong. Lúc này tôi mới lo đi học, tới đâu, tôi cũng thấy mình như bị lạc lõng vì với tuổi gần 16, tôi không thể vào học lớp nhất được. Haiphong lúc đó chỉ có một trường Trung Học công lập, chỉ dậy tới lớp 9, số học sinh thưa thớt, hai ba trường tư thục cũng chỉ dậy tơí lớp 9, mỗi trường có chừng 2,300 học sinh. mãi tới năm 1953, trường tư Phùng Hưng mới mở thêm 1 lớp đệ tam, sau cùng là 1 lớp đệ nhị với khoảng 30,40 học sinh. Số người có bằng Tú Tài trở lên thời đó có thể đếm trên đầu ngón tay. Thời gian này, tôi luôn luôn nhận được tin như bạn Lương, Nam đã bị bắt lính, đang được đi học khóa hạ sĩ quan, bạn Việt đã vào Thủ Đức khóa 5, nghĩ đến mình cũng sắp đến tuổi phải đi, mà việc học thì dang dở, chẳng đi đến đâu cả. Những ngày ở trọ nhà Bác Mẫn, bác tôi thường nhắc mày phải đi học và ráng lên chứ không đi lính trơn thì khổ lắm đấy. Nếu không đi lính thì mày cũng chỉ làm phu phen thôi, vừa cực nhọc mà chẳng nuôi nổi vợ con. Tuy ông nói vậy mà ông cũng chẳng hay biết tôi học đến đâu và học hành gì.Trong nhiều tháng trời tôi phải lần mò tìm chương trình học của Bộ Quốc Gia Giáo Dục, đi thâu thập các sách giáo khoa, các bài giảng dậy, xem các môn mà tôi yếu kém, chưa biết, cần phải học. Sách học, sách luyện thi về những môn như văn chương, tóan lý hóa, các môn Pháp văn, Anh văn khá nhiều, các thầy viết rất hay và dễ hiểu. Vài môn học cần nhiều thời gian như Pháp văn, Việt văn thì tôi thấy mình may mắn đã khá, còn môn toán, lý hóa tôi dồn hết sức vào học, học lại từ đầu từ môn số học, đại số đến hàm số, lượng giác ... chỉ gần một năm, tôi đã học hết bài vở tới lớp đệ tam. Chỉ sau vài tháng vào trường, tôi đã trở thành một học sinh khá của lớp. Vào học lớp đệ tam tôi gặp Hiện, Đại, Bình, Lương, Nam, Lộc, Khang... Bạn Hiện ở trọ nhà người chị họ, gần chỗ tôi ở nên sau giờ học thường đến nhà tôi, hai đứa cùng nhau ôn lại bài vở, chỉ dẫn nhau làm bài. Tại nhà tôi, một lần đang học bị mất điện, chúng tôi ngồi chơi bên ngọn đèn dầu, bà tôi nói: tao sống cả đời như một ngọn đèn heo hắt, lúc nào cũng như chờ tắt hay sắp tắt, chúng mày phải ráng học hành cho nên người, chứ không học thì lớn lên chỉ làm đồng áng hay làm cu ly, cực lắm. Hiện cúi đầu không nói gì nhưng sau này hắn bảo tôi cuộc đời hắn sẽ không bao giờ như bà tôi nói đâu. Hắn sẽ sống trong sự giầu có, có thế lực, có quyền hành để vận chuyển xã hội. Hắn sẽ làm trai cho đáng nên trai. Bính, Lộc, Khang là những học sinh xuất sắc, giáng vẻ thanh tú, đẹp trai, lúc nào cũng nghiêm nghị, Lộc được gọi là thầy đồ non vì mỗi khi anh phát biểu, anh bắt mọi

Mới hay hết thảy là mây nổi
Còn với non sông một chút tình

Học giả Đào Duy Anh

Hai con ngựa chiến trở về
Two survival horses after the war
Mixed media painting.
48 x 32 inches.
Ho Thanh Duc 2002.

người phải chú ý nghe anh nói rành mạch câu chuyện từ đầu đến cuối. Bính và Khang trông có vẻ như cắc nhà hiền triết, lúc nào củng nói chuyện học hành, gặp ai các anh cũng cười nói vui vẻ vài câu rồi lẫn mất. Đại, Lộc, Bính, Bình, Khang hiện đang ở Hoa Kỳ, các anh đều có cuộc sống dễ chịu, làm ăn thịnh vượng, gia đình an vui, con cháu hiếu thảo. Chúng tôi hết sức thoải mái mỗi khi gặp lại nhau.

Hiện chăm học nên cũng kéo tôi theo. Hiện thích văn chương, viết luận văn khá, những bài luận văn của Hiện hay được các thầy lấy ra làm mẫu đọc cho cả lớp nghe. Hiện thích các loại văn thơ hùng sử của những bậc tiền nhân có chí khí nhưng ngang tàng như Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Tản Đà... anh thường viết lên giấy dán lên tường hay để trên bàn học những câu như:

Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc
Nợ tang bồng vay trả trả vay
Chí làm trai nam bắc đông tây
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.

Có lẽ anh đã gởi vào những vần thơ này một phần nào tâm trạng của mình, của một thanh niên đầy nhiệt huyết mới lớn đang nhìn thấy một xã hội chưa hoàn toàn ra khỏi ách nô lệ mà đang chìm đắm trong chiến tranh. Bất công xã hội lan tràn và những điều chướng tai gai mắt là chuyện thường ngày xẩy ra. Tuổi trẻ luôn nghĩ mình có thể đóng góp khả năng của mình vào xã hội, có thể làm được nhiều việc xoay chuyển được cái khung cảnh mình đang sống. Tuổi trẻ là tuổi của mộng mơ, mơ ước, nhiều tham vọng và hiếu thắng.

Những câu thi văn như:

Có trung hiếu nên đứng trong trời đất
Không công danh thì nát với cỏ cây.

hay những câu như

Của đồng lần thiên hạ tiêu chung
Hơn nhau một chữ anh hùng

Anh thích thân thế và văn chương của cụ Nguyễn Công Trứ, vì cả cuộc đời của cụ lúc nào cũng sả thân, biết tiến thoái và biết hưởng thụ. Phần lớn văn thi của cụ mang tính hùng ca và ngạo nghễ, biểu lộ một chí khí mạnh trong một tâm hồn cao cả. Anh thuộc lòng nhiều bài thơ của cụ như phận nghèo, chí làm trai , kẻ sĩ, cầm kỳ thi tửu. Anh cũng hay ngâm nga những bài thơ mới khí khái, anh hùng thi và những bài thơ mộng mơ, tình tự của Hàn Mặc Tử, Huy Cận, Quang Dũng... Tôi cũng đồng ý thích với anh qua nhiều thi văn và âm nhạc. Tôi đang học chơi đàn guitare, anh cũng như tôi và có giọng ca khá hay.

Hiện và tôi có nhiều sở thích và việc làm giống nhau như thứ bẩy, chủ nhật đi tập võ, đi học đàn, chơi đàn, đi bơi, đi cine v.v. Tôi, Hiên, Đại, Lương đã đôi ba lần rủ nhau bơi qua sông Bính. Sông Bính ở HaiPhong là sông lớn, đối với chúng tôi thời đó, nên bơi qua được con sông này là một thành tích đáng hãnh diện của học sinh.

Đôi lần Hiện rủ tôi về thăm quê anh. Từ Haiphong ra đến bờ sông Bính, qua đò đạp xe một quãng là tới nhà Hiện. Nhà chỉ cách tỉnh Haiphong chừng 10 cây số, thời đó 10 cây số là một chặng đường khá xa. Đến nhà Hiện tôi được gập ba Hiện và cô chị gái của Hiện. Hiện giới thiệu tôi với bố và chị gái, cả hai tỏ ra rất thân tình, làm như họ đã quen biết tôi từ lâu, có lẽ vì Hiện khi về nhà thường nói chuyện về tôi. Nhà Hiện là nhà gỗ, mái tranh được cắt xén kỹ lưỡng, có thềm gạch, xung quanh là sân vườn rộng giữ gìn sạch sẽ và đẹp mắt. Ba Hiện là người khoẻ mạnh, dáng vẻ bệ vệ, ông làm y tá, theo Hiện nói cả làng chỉ có mình ông làm nghề thuốc, không có bác sĩ, nên ai đau ốm cũng đến ông. Ông khám bệnh cho thuốc, chích thuốc gần như một bác sĩ vậy. Cả làng đều quí mến ông. Chị gái Hiện trông như một cô thôn nữ. xinh đẹp, ăn nói nhẹ nhàng, chỉ sau vài giờ ở nhà Hiện tôi đã có thể nói chuyện với chị như người thân trong nhà. Chị lo thức ăn, chăm chút từng thứ cần thiết cho Hiện và rất sốt sắng với tôi. Ở nhà Hiện, tôi cảm thấy như ở nhà mình vậy. Về quê nhà Hiện tôi biết thêm một điều Hiện là đứa con cưng của gia đình, và Hiện là con trai rất hiếu thảo. Chừng hai hay ba tuần Hiện về thăm nhà một lần.

Vào một buổi sáng đẹp trời cuối thu, Hiện báo cho tôi hay mới quen một nữ sinh trên đò sang sông về thăm nhà. Nhà cô ở làng trên gần nhà Hiện, Hiện nói chỉ do tình cờ hỏi cô một câu bâng quơ để làm quen được cô ấy đáp lễ ngay và rất ý nhị dí dỏm, làm Hiện mê mẩn tâm thần. Hiện hỏi cô giờ tan học chiều thứ sáu và hẹn xin gặp lại để cùng về. Vài tuần sau Hiện báo tin mừng là Mai và Hiện đã thân nhau, hai người rất hợp nhau, tôi hỏi Mai bao nhiêu tuổi Hiện nói 15, Mai trắng trẻo, xinh sắn và nhí nhảnh lắm, cậu không thể ngờ được ở vùng quê tôi lại có một con bé như vậy. Tôi suýt la lên là Mai còn quá nhỏ và cả Hiện cũng vậy, nhưng may tôi kìm ngay lại được, chuyện yêu đương là chuyện thường tình, tôi nghĩ chắc là mối tình học trò hay tình tuổi thơ mơ mộng rồi sẽ bay đi. Nhưng

đó không phải là điều tôi suy nghĩ, Hiện đã đi vào tình yêu chân tình. Sáng thứ hai nào cũng vậy, sau giờ học anh lại kể cho tôi nghe anh dã gặp Mai ra sao, đã nói được chuyện gì, chuyện tình của anh đã tiến thêm đến đâu. Anh đã đến thăm Mai, được cha mẹ Mai hoan hỉ chấp nhận, anh đã đưa cha mẹ anh đến gặp cha mẹ mai, hai nhà đều vui vẻ hân hoan.

Qua năm 1954, tình hình chiến sự càng ngày càng gia tăng, tiếng súng từ xa đã vọng về thành phố, dân tình sôn sao. tôi rủ Hiện lên Hanoi chơi, xem tình hình như thế nào. Hai đứa đi ngang qua khu buôn bán hàng Ngang, hàng Đào, chợ Đồng Xuân, đến qua trưa ra bờ hồ ăn bún chả, bún chả thật ngon và lại đói, mỗi đứa chỉ đủ tiền ăn một đĩa rồi gọi thêm rau ăn cho no bụng. Hanoi đã bắt đầu lo lắng, hàng cũ tràn ngập ngoài đường, chợ trời đã mọc lên ở nhiều nơi. Đi chơi chụp ảnh gần hết ngày mệt mỏi, chúng tôi mới nghĩ đến tìm chỗ ngũ qua đêm, tôi nghĩ tới một bà cô họ xa làm cho nhà thương Đặng Vũ Lạc. Gặp tôi, bà rất vui mừng đưa hai đứa đi ăn tối, khi về, chúng tôi nói chưa có chỗ ngủ, bà suy nghĩ một lúc rồi nói, bà ở trọ chung với mấy cô làm cùng sở, một phòng mà ở 4,5 người nên không có chỗ nào cho chúng tôi. Bà nói có thể đưa chúng tôi về nhà thương ngủ đỡ cho qua đêm. Nhà thương Đặng Vũ Lạc là một villa hai tầng, tầng dưới là nơi làm việc của các bác sĩ, y tá, tầng trên dành cho bệnh nhân cần ở lại. Bà tìm được một giường còn trống, tôi nhường cho Hiện, còn tôi theo bà vào nhà kho phía sau, bà dọn sạch, đặt một cái ghế gấp cho tôi ngủ. Sau một ngày đi lang thang mệt mỏi cả hai chúng tôi ngủ một mạch đến sáng hôm sau dậy là ra xe lên đường trở về Hai Phong.

Đến tháng hai, tháng ba Hội Nghị Geneve bắt đầu được triệu tập, Việt Minh đã thắng chiếm được một số vùng Thượng Du và Điện Biên Phủ đang được hình thành để đưa cuộc chiến đến trận thắng bại cuối cùng. Điện Biên Phủ thất thủ, Pháp phải ký hiệp ước đình chiến vào ngày 20/7/1954, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới chia đôi hai miền Nam Bắc. Pháp trả độc lập thực sự cho Việt Nam vào dịp này và rút hết quân ra khỏi miền Nam vào tháng 5 năm 1955. Sau Hiệp Định đình chiến là những cuộc rút quân của hai miền và dân chúng được quyền chọn nơi sinh sống. Các bạn học sinh chúng tôi xem tin tức, bàn cãi nhiều về cuộc đình chiến, về việc nên ở lại hay đi vào Nam. Đối với những người có của, có tài sản nhà cửa, ruộng vườn phải bỏ hết ra đi tay không là điều khó tính hết sức.

Hiện cho hay đi hay ở còn tùy thuộc gia đình, nhưng Hiện nghĩ ở lại là đúng hơn. Hiện thường tự hào là mình nghĩ gì đúng đó, ít khi sai. Khi tõi quyết định đi Nam, Hiện không phản đối, nhưng anh nói rồi ra mình sẽ gặp lại.

Đến tháng 10, tôi từ biệt Hiện lên Hanoi thăm gia đình trước khi vào Nam, anh tỏ ra rất buồn nói với tôi anh sẽ kết hôn vào cuối năm và người bạn thân nhất là tôi phải làm phù rể cho anh lại đi xa. Tôi nghĩ bạn còn quá trẻ, học hành chưa đến đâu lại công việc chưa có, làm sao lấy vợ. Hiện nói mọi việc cuả anh gia đình hai bên đã đồng ý và tính toán cho anh. Vợ chồng anh sẽ tiếp tục học lên để có nghề nghiệp chuyên môn và

anh sẽ phải là người thành công trong xã hội. Tôi chào từ biệt và chúc anh chị mọi điều may mắn.

Thời gian khổ cực thăng trầm, sống chết bên lề cuộc chiến do Cộng Sản gây ra, cố tình đánh chiếm cho bằng được miền Nam, rồi đến cuộc sống tha hương ở hải ngoại qúa bận rộn lăn lộn với cơm áo, cứ vùn vụt như thoi đưa, tôi đã xa Haiphong trên 40 năm.

Lần Đại về thăm nhà đầu tiên, anh gặp lại Hiện, vừa trở lại Mỹ, anh báo tin ngay cho tôi hay về Hiện, cho tôi địa chỉ để liên lạc. Chỉ vài ngày sau tôi nhận được thư của Hiện, anh cho hay rất vui mừng được tin của tôi qua Đại, gia đình anh tất cả đều hoan hỉ thấy tôi sống khoẻ mạnh, an vui. Anh mong tôi sẽ viết nhiều về tôi những thăng trầm của 40 năm qua. Tôi đã sống như thế nào, học hành ra sao, làm việc, lấy vợ, và con cái giờ ra sao? Sau đó tôi nhận được thư của anh gần như mỗi tuần, thư nào anh cũng ngỏ ý muốn tôi về thăm quê, cha mẹ, bạn bè. Anh kể cuối năm 1954, anh lên Hanoi tìm tôi thì được biết tôi đã vào Nam, cuối năm 1975, anh vào Nam dò tìm tôi thì biết tôi đã đi Hoa Kỳ. Anh được các bạn kể sơ qua về tôi. Anh gửi cho tôi l tấm hình của gia đình, gồm có anh Mai và 3 con. Anh kể anh chị đã phải sống qua những ngày đen tối nhất của cuộc đời, đói khổ, sợ sệt đủ mọi thứ mà đến giờ anh còn coi là những cơn ác mộng. Những ngày đó đã qua, anh chị đã vượt lên được để có được một cái nghề chuyên môn để sống. Anh đã vào được sư phạm ra trường đi dậy học trung học, chị ra nghề bác sĩ, ba cháu đều học được nhưng ai cũng chỉ sống đủ, sống tạm ở mức nghèo nàn. Sau 1975, khi Cộng Sản chiếm được miền Nam, thì người dân mới thấy được những sự dối trá, đàn áp của chế độ, sự nghèo nàn của đất nước.

Anh luôn nhắc tôi kể cho nghe mọi chuyện về tôi từ ngày vào Nam, từ ngày bỏ nước ra đi. Tôi kể lối sống của tôi, những cơ hội mà một xã hội dân chủ cho mọi người cơ hội tiến thân, phục vụ xã hội, xã hội là của chung mọi người. Vì học luật nên tôi tả rõ cho anh hay cách tổ chức, điều hành của nó như thế nào. Tôi đã được hưởng những gì từ xã hội miền Nam và đã tiến thân ra sao. Anh than trong l lần rằng cuộc đời anh là một sự phí phạm và đã tranh đấu hết sức để đến bây giờ về hưu, được gì nhỉ? Anh đang sống trong một xã hội nghèo nàn nhất thế giới trên đủ mọi phương diện. Mấy lá thư sau anh chỉ viết về thú điền viên của anh chi, anh tránh né hỏi thêm tôi và tôi nghĩ có thể thư từ đến anh đã bị kiểm duyệt. Sau khoảng hai năm thư từ qua lại thân mật, rồi bỗng anh thôi không trả lời hay viết thư cho tôi nữa.

Cho đến hôm bạn Đại cho hay anh đã ra đi về cõi vĩnh hằng, có lẽ còn quá sớm với tuổi của anh, chị Hiện cũng đã ra đi trước anh hai năm. Không hiểu vì anh chị đau ốm nhiều nên không còn liên lạc được với tôi nữa hay vì bị áp lực của kiểm duyệt, kiểm thaỏ mà ngưng mọi thư từ. Một điều mà tôi tin chắc là bạn tôi đã không bao giờ thức hiện được giấc mơ làm trai cho đáng nên trai trong xã hội cộng sản, độc tài, chuyên trị, một xã hội mà anh chị đã lầm tưởng, đã lạc bước chân theo. Tôi nhìn lên trời cao, nhìn vào bầu trời đen tối xâu thẳm để tìm một vì sao vừa lặn.

Đỗ Phú
(Virginia)

Huyền Thoại Một Âm Thanh

(Gửi về người yêu dấu)

Môi em khép mở nụ cười
Vầng trăng thức ngủ,
đêm chơi vơi buồn
Tiễn em mắt ướt giọt sương
Âm thanh ngày cũ,
vấn vương phương nầy
Em ơi! chưa cạn men say
Nửa say nửa tỉnh giữa ngày chiêm bao
Âm thanh lạc cõi sắc màu
Lệ vương cuối nét, niềm đau xa người
Nắng vàng bên ấy em ơi
Tình anh băng giá mưa rơi bên nầy
Nhớ thương một thuở đong đầy
Gửi buồn lãng đãng mây bay cuối trời
Hỡi Người yêu dấu em ơi!
Ngập ngừng bước nhỏ
nghẹn lời tiễn đưa
Này em, trời vẫn hay mưa
Là trời khóc chuyện
đong đưa chúng mình!
Tim yêu, nghẹn tiếng, lặng thinh
Trăm năm phong kín chuyện tình
Trương Chi…

VŨ HỐI
(Maryland)

Giọt Tình

(Viết cho Thủy Nguyễn em yêu)

Có tiếng rì rào ngoài song cửa,
Cùng tiếng mưa đêm.
-Nhạc khúc mùa đông!
Có tiếng ai gọi nhau trên đồi vắng…
Tiếng lá rơi xào xạc cuối vườn trăng.
Anh gọi em bằng hơi thở
- không lời.
Như tiếng chim gọi chiều năm cũ…
Nhẹ nhàng như hoa quỳnh nở
lúc nửa đêm.
Giống tiếng lòng anh gọi em
trong tiềm thức.
Khản giọng rồi nhưng vẫn vô thanh.
Thì ra chỉ là nỗi nhớ…
Vô ngôn! -Tình ta muôn thuở!
Vô đề!-Thơ anh viết cho em.
Tiếng tơ đồng réo rắt…
vỡ nát trong đêm.
Rơi từng mảnh giữa thinh không
tĩnh mịch.
Bay la đà…chao liệng giữa ngàn trăng.
Cùng những vệt sao băng.
-Tình ta dâu bể…
Mấy mươi năm đọng thành giọt lệ.
Như giọt sương đêm rơi nhè nhẹ…
-Vô thanh!

THIÊN ĐỨC
(Illinois)

Quỳnh xưa

Có ai không, nhớ đến Quỳnh xưa ấy
Quỳnh của buồn vui tình cảm nặng đầy
Lục bát xâu từng hạt huyền nỗi nhớ
Thả theo mưa cùng nắng kết thành thơ.

Lá thư xưa Quỳnh thương về người cũ
Người úa trăm năm, người của nghìn thu
Khóc trong mơ Quỳnh vẫn ngỡ ai chờ
Ai đứng đợi ai về trong sương gió.

Đêm bỗng thơm dịu dàng hoa lá mở
Lá như sông quyến luyến bến bờ xưa
Ai đứng kia và ai cười rạng rỡ
Một đoá Quỳnh vẫn nở mãi trong mơ.

Mặt trời vừa lên. Ngồi ở ban công nhìn ra không gian cao rộng, như bao dung độ lượng cả trần gian. Mây non lóng lánh ánh bình minh, một chú chim biển đơn độc chầm chậm lượn qua, và biển êm êm lặng sóng. Tôi biết tin cô mất vào một sáng mùa hè như thế.

Tôi nhớ lại từ buổi họp mặt đầu tiên khi tôi cùng cô tham gia vào Cỏ Thơm. Hôm đó có cả chị Ngọc Dung (hiện vẫn là Chủ nhiệm TCNS Cỏ Thơm). Nét mặt của cô cùng dáng người phốp pháp làm tôi liên tưởng đến những nhân vật "bà Phán" trong tiểu thuyết phim ảnh Việt Nam thời trước, nhưng là một bà Phán vui vẻ và tốt bụng! Cô kể chuyện mọi người nghe và cười thật vui. Kể cả chuyện cô khóc trong giấc mơ đêm qua ..."*không biết tại sao nữa, mỗi lần mình mơ là cứ khóc mãi cơ, mà khóc như thật ấy chứ"*... Và cô cười tiếp, rất thoải mái. Đến hạn "nộp bài", tôi nhắc cô. Thế là vài hôm sau tôi nhận được thơ cô kèm vào một tờ note từ văn phòng cô làm việc (Department of Statistics, GWU.) Ở tuổi 75 cô vẫn còn làm việc! Tôi nói, "*thôi, cô về hưu đi chơi đây đó cho thoả thích, cao tuổi rồi, cô làm gì nữa cho mệt hở cô"*. "*Ôi giời! cô mà không vào làm ấy à, thầy trò nó loạn cả lên đấy!*" Và cô lại cười.

Tôi được cô tặng tập thơ Quỳnh Anh. Nhớ về một người yêu dấu xa xưa, cho một mối tình đẹp nhưng dang dở. Những bài văn, bài thơ cô viết đều chuyển quanh một đề tài như thế. Thơ cô làm nhẹ nhàng, chừng như cô viết rất tự nhiên, như dòng sông cứ thế mà trôi dài trôi mãi. Nhưng mỗi bài thơ là mỗi tiếng lòng khác biệt, vang vọng lên rất sâu những âm thanh rung động, nghe xa vời vợi nhưng mãnh liệt khôn cùng. Có phải như thế không hở cô?

Tờ note nhỏ của cô bao giờ cũng được viết rất dịu dàng tình cảm và luôn dứt với câu "Cho cô kính lời thăm mẹ nhé". Mẹ tôi vẫn còn đây nhưng cô đã không còn nữa. Một năm đã qua từ ngày cô mất. Nhớ buổi chiều lễ viếng cô, tôi chạy lanh quanh để tránh đường đang bị kẹt xe. Đến nơi thì đã hết giờ. Phòng tang trống rỗng, không còn ai. Tôi ấm ức ra về, bực bội với chính mình. Ngày tiễn cô đi, khi đến nghiã trang trời bỗng nặng mây xám và lâm râm mưa làm lòng người thêm chạnh. Tôi thả một nhánh hồng trắng xuống mộ huyệt. Cô ơi, vĩnh biệt cô.

Thứ Bảy ở nhà, buổi sáng đầy lên với cà phê và nhạc. Sắp lại tủ sách, ngồi xem lại từng số Cỏ Thơm từ số ra mắt cho tới bây giờ, tôi nhớ đến những nhân vật trong Cỏ Thơm đã qua đời. Trước hết, Bố tôi, Anh Độ Đỗ Cẩm Khê. Sau cuốn Cỏ Thơm số 1 là Bố tôi mất. Mãi sau này là nhà văn thi sĩ Hà Bỉnh Trung, thi sĩ Hoàng Trùng Dương, và cô Quỳnh Anh. Ra đi là bắt đầu một đời sống ở thế giới khác. Tôi tin như thế. Cầu mong cho cô được sống vui ở nơi cô đang ở, và biết đâu lúc này cô đang sum họp với người xưa, phải không cô Quỳnh Anh quý mến?

Ý ANH
31 July, 2013
Ngày giỗ Nhà Thơ Quỳnh Anh

Nhớ Mẹ chiều thu

Nhớ thu xưa… mắt mẹ sầu như lá
Đàn con xa, nhà vắng tiếng cười vang
Những nén hương mẹ thắp mỗi thu vàng
Ngày giỗ bố một mình mâm cơm cúng

Cuộc đời mẹ ngàn hy sinh chịu đựng
Chuyện chồng con chôn hết nét xuân thì
Thêm chiến tranh mất hết chẳng còn chi
Ngày chạy loạn lũ con còn thơ dại

Nhớ cuộc sống đổi thay như chiếc áo
Mẹ mới cười vui thấy cháu lớn khôn
Đã phải khóc tiễn con vượt biển
Đã phải trông ngày đoàn tụ mỏi mòn

Năm năm, mười năm từng đứa về thăm
Nợ cơm áo hằn lên vầng trán rộng
Cuộc sống quê người thiếu mẹ như không
Lưng bé nhỏ gánh bao sầu lữ thứ

Mẹ hằng đêm, nhớ đứa con xa xứ
Làm phước cho người, để phước con yêu
Ôi! chắt chiu từng đồng tiền con biếu
Mẹ giúp người khốn khó với khổ đau

Con ngồi đây một chiều thu cỏ úa
Chiếc lá vàng rơi… rơi sân trước la đà
Chiếc lá vàng rơi… rơi sân sau ngập nắng
Mẹ của con giờ… lạnh lẽo nấm mồ xa!

Nguyên Bạch